

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2026

Kính gửi:

- Cục Điện lực - Bộ Công Thương;
- Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia.

Thực hiện quy định của Bộ Công Thương tại Thông tư số 05/2025/TT-BCT ban hành ngày 01/02/2025 về việc “Quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng”, Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia kính báo cáo Cục Điện lực – Bộ Công Thương, Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia tình hình vận hành lưới điện truyền tải tháng 03 năm 2026 như phụ lục đính kèm.

Trân trọng./.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Như trên;
- EVN (để báo cáo);
- TGD (để báo cáo);
- PTGD Hoàng Xuân Khôi;
- Các ban: KH, ĐTXD;
- PTC1, 2, 3, 4;
- Lưu: VT, KTAT.



Lưu Việt Tiến

PHỤ LỤC

TÌNH HÌNH VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN TRUYỀN TẢI THÁNG 03/2026

I. TÌNH HÌNH VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN TRUYỀN TẢI

Trong tháng 03/2026, lưới điện truyền tải vận hành an toàn, tin cậy và đảm bảo cung cấp điện. Lưới điện truyền tải xảy ra 3 sự cố (01 sự cố lưới 500kV, 02 sự cố lưới điện 220kV), tăng 02 sự cố so với tháng 02/2026. Trong đó, có 01 sự cố do thiết bị nhất thứ, 01 sự cố do sứ bản kết hợp với trời nồm ẩm, 01 sự cố do hư hỏng chuỗi cách điện composite.

II. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHUẨN VẬN HÀNH

1. Vận hành tần số

Trong tháng 03/2026, lưới điện truyền tải không xảy ra sự cố ảnh hưởng đến tần số hệ thống.

2. Vận hành điện áp

Trong tháng 03/2026 điện áp lưới 500kV và 220kV cơ bản đảm bảo vận hành trong giới hạn cho phép, có xuất hiện điện áp cao như sau:

Lưới điện 500kV xuất hiện điện áp cao tại 7 trạm biến áp (TBA) giảm 15 TBA so với tháng 2 (tháng Tết): (i) khu vực miền Bắc xuất hiện tại 2 TBA 500kV Thanh Hóa, Vũng Áng, điện áp cao nhất 533,0 kV tại TBA 500kV Thanh Hóa lúc 03h00' ngày 04/3/2026; (ii) khu vực miền Trung điện áp vận hành ổn định trong giới hạn cho phép; (iii) khu vực miền Nam xuất hiện tại 5 TBA 500kV Chơn Thành, Long Phú, Phú Lâm, Ô Môn, Phú Mỹ, điện áp cao nhất là 526,6 kV tại Long Phú lúc 04h00' ngày 17/3/2026.

Lưới điện 220kV vận hành trong giới hạn cho phép, có xuất hiện điện áp cao tại 2 TBA (giảm 32 TBA so với tháng trước) trong đó: (i) khu vực miền Bắc 2 TBA Lào Cai, Yên Bái, điện áp cao nhất 247,0 kV lúc 06h00 ngày 22/3/2026 tại TBA 220kV Yên Bái; (ii) khu vực miền Trung, miền Nam điện áp vận hành trong giới hạn cho phép.

Hiện EVNNPT đang triển khai các dự án để đảm bảo vận hành điện áp: (i) dự án lắp kháng bù ngang 500kV để tối ưu dung lượng bù sau khi có đường dây 500kV mạch 3 (hiện đã hoàn thành đóng điện 7/9 kháng của dự án), tiến độ hoàn thành toàn bộ dự án đầu năm 2027; (ii) dự án lắp 900MVAR tụ bù ngang lưới điện miền Bắc, phân đầu hoàn thành trước 30/4/2026.

3. Độ tin cậy của lưới điện truyền tải

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu độ tin cậy lưới điện truyền tải (SAIDI-T; SAIDI-T sự cố; SAIFI-T) tháng 03/2026 trong bảng sau:

STT	Đơn vị	Tháng 03	Lũy kế	Kế hoạch năm	Thực hiện kế hoạch (%)
1. SAIDI-T công tác (phút)					
1	EVNNPT	40	91.00	776	11.7

2	PTC1	34	82.00	776	10.6
3	PTC2	14	90.00	776	11.6
4	PTC3	19	46.00	776	5.9
5	PTC4	65	118.00	776	15.2
2. SAIDI-T sự cố (phút)					
1	EVNNPT	0.00	0.02	13.12	0.2
2	PTC1	0.00	0.04	13.12	0.3
3	PTC2	0.00	0.00	13.12	0.0
4	PTC3	0.00	0.00	13.12	0.0
5	PTC4	0.00	0.00	13.12	0.0
3. SAIFI-T (lần)					
1	EVNNPT	0.05	0.12	0.88	13.6
2	PTC1	0.03	0.08	0.88	9.1
3	PTC2	0.08	0.21	0.88	23.9
4	PTC3	0.07	0.14	0.88	15.9
5	PTC4	0.05	0.13	0.88	14.8

4. Tỷ lệ điện dùng để truyền tải của lưới điện truyền tải

Tỷ lệ điện dùng để truyền tải thực hiện tháng 03/2026 là 2,29% (0,538 tỷ kWh) giảm 0,02% so với cùng kỳ 2025 (2,31%), thấp hơn 0,11% so với chỉ tiêu kế hoạch (2,40%). Trong đó, Tỷ lệ điện dùng để truyền tải lưới 500kV là 2,00% (0,244 tỷ kWh, tương ứng chiếm tỷ trọng ~ 45,4%) giảm 0,01% so với cùng kỳ 2025 (2,01%), Tỷ lệ điện dùng để truyền tải lưới 220kV là 1,13% (0,294 tỷ kWh, tương ứng chiếm tỷ trọng ~ 54,6%) giảm 0,01% so với cùng kỳ 2025 (1,14%).

Tỷ lệ điện dùng để truyền tải thực hiện lũy kế năm 2026 là 2,35% (1,474 tỷ kWh) tăng 0,01% so với cùng kỳ 2025 (2,34%), thấp hơn 0,05% so với chỉ tiêu kế hoạch (2,40%). Trong đó, tỷ lệ điện dùng để truyền tải lưới 500kV là 2,09% (0,685 tỷ kWh chiếm tỷ trọng 46,5%) tăng 0,14% so với cùng kỳ 2025 (1,95%), tỷ lệ điện dùng để truyền tải lưới 220kV là 1,12% (0,789 tỷ kWh chiếm tỷ trọng 53,5%) giảm 0,03% so với cùng kỳ 2025 (1,15%).

III. TÌNH HÌNH QUÁ TẢI, SỰ CỐ THIẾT BỊ VÀ NGUYÊN NHÂN, ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP ĐỂ ĐẢM BẢO VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN AN TOÀN, TIN CẬY VÀ HIỆU QUẢ

1. Tình hình vận hành mang tải

Cấp điện áp	Thiết bị	Tổng số mạch ĐD/MBA	Khu vực	Số mạch ĐD, số MBA/thời gian đầy, quá tải			
				(số thiết bị/giờ)			
				>90-100%	>100-110%	>110%	Tổng
500kV	Đường dây	41	Miền Bắc	0/0.0	0/0.0	0/0.0	0/0.0
		40	Miền Trung	0/0.0	0/0.0	0/0.0	0/0.0
		46	Miền Nam	0/0.0	0/0.0	0/0.0	0/0.0
	MBA	31	Miền Bắc	3/8.0	0/0.0	0/0.0	3/8.0
		19	Miền Trung	2/17.0	0/0.0	0/0.0	2/17.0
		23	Miền Nam	0/0.0	0/0.0	0/0.0	0/0.0
220kV	Đường	223	Miền Bắc	17/254.0	5/15.0	0/0.0	17/269.0

	dây	154	Miền Trung	7/105.0	0/0.0	0/0.0	7/105.0
		184	Miền Nam	5/51.0	1/1.0	0/0.0	5/53.0
	MBA	168	Miền Bắc	21/110.0	1/5.0	0/0.0	21/115.0
		78	Miền Trung	2/4.0	0/0.0	0/0.0	2/4.0
		122	Miền Nam	14/148.0	1/4.0	0/0.0	14/152.0

a) Khu vực miền Bắc

- Lưới điện 500kV

Đường dây:

- ĐD vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức): không xuất hiện.

Máy biến áp:

- 03/31 MBA vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức) gồm: AT2 Hiệp Hòa, AT1 Thường Tín, AT1 Vũng Áng do tải cao.

- MBA vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): không xuất hiện.

- Lưới điện 220kV

Đường dây:

- 17/223 ĐD vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức) gồm: 272 Tuyên Quang - 276 Yên Bái; T500 Việt Trì - Việt Trì 2 mạch; 273 T500 Việt Trì - 272 Vĩnh Tường; 273 Hiệp Hoà - 271 Phú Bình; 273 Phú Bình - 271 Lưu Xá; 274 Chèm - 272 Vân Trì ; 273 Vân Trì - 276 Sóc Sơn; T500 Phố Nối - Gia Lộc 2 mạch; 277 T500 Thường Tín - 272 Phủ Lý; 278 T500 Thường Tín - 274 Kim Động; 271 Kim Động - 271 Phố Cao; 275 Vật Cách - 271 Thủy Nguyên; 271, 273 TĐ Hòa Na - 272 Bim Sơn; Hưng Đông - Hà Tĩnh 2 mạch do nguồn điện phát cao và phụ tải cao.

- 05/223 ĐD vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): T500 Việt Trì - Việt Trì 2 mạch; 273 Hiệp Hoà - 271 Phú Bình; 273 Phú Bình - 271 Lưu Xá; 273 Vân Trì - 276 Sóc Sơn.

Máy biến áp

- 21/168 MBA vận hành tải cao trên 80% và cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức gồm: AT2, AT3 Bắc Ninh 2; AT5 Chèm; AT3, AT4, AT5 Hà Đông; AT3, AT4 Mai Động; AT6 ND Hải Dương; AT1 Ninh Bình; AT1 Quang Châu; AT1, AT2 Thanh Nghị; AT2 Vật Cách; AT1, AT2 Việt Trì; AT1, AT2 Vĩnh Yên; AT3 Nho Quan; AT4 Thường Tín do phụ tải cao.

- MBA vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): AT6 ND Hải Dương.

b) Khu vực miền Trung:

- Lưới điện 500kV

Đường dây

- ĐD vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức): không xuất hiện.

Máy biến áp

- 02/19 MBA vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức): AT1 Vĩnh Tân, AT1 Di Linh do nguồn điện phát cao.

- MBA vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): không xuất hiện.

- *Lưới điện 220kV*

Đường dây

- 7/154 ĐD thường xuyên vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức: (i) lưới PTC2 Đông Hà - Quảng Trị 2 mạch; 273 Dốc Sỏi - 271 Quảng Ngãi; (ii) lưới PTC3 gồm các ĐD do NLTT và các nhà máy thủy điện phát cao như 271 Quy Nhơn - 271 Tuy Hòa; 272 Hồng Phong 1 - 276 Phan Thiết; 273 Hàm Thuận - 272 Phan Thiết.

- ĐD vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): không xuất hiện.

Máy biến áp

- 02/78 MBA vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức gồm: AT1, AT2 Tháp Chàm.

- MBA vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): không xuất hiện.

c) Khu vực miền Nam:

- *Lưới điện 500kV*

Đường dây

- ĐD vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức): không xuất hiện.

Máy biến áp

- MBA vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức: không xuất hiện.

- *Lưới điện 220kV*

Đường dây

- 05/184 ĐD vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức: Bạc Liêu (273) - Sóc Trăng (271); Long Thành - Phú Mỹ 2 mạch; NMD Đá Bạc (271) - Châu Đức (274); Vĩnh Long (271) - Trà Vinh (273) do tải cao.

- ĐD vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): Long Thành - Phú Mỹ 2 mạch.

Máy biến áp

- 14/122 MBA vận hành tải mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức: AT1, AT2 An Phước; AT2 Cao Lãnh; AT2 Giá Rai; AT2 Kiên Bình; AT2 Long Thành; AT1 Tao Đàn; AT1, AT2 Uyên Hưng; AT5, AT6 Cầu Bông; AT7 Phú Lâm; AT3, AT4 Tân Định do tải cao.

- MBA vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% - 110%) định mức: AT1 Uyên Hưng.

Để đảm bảo vận hành, EVNNPT đang triển khai các dự án đầu tư xây dựng mới, dự án nâng cấp, cải tạo theo kế hoạch giao để giảm vận hành đầy quá tải theo kế hoạch EVN giao; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị vận hành hệ thống điện để báo cáo, đề xuất các giải pháp về phương thức vận hành để hạn chế đầy tải, quá tải.

2. Sự cố thiết bị

Trong tháng 03/2026, lưới điện truyền tải do EVNNPT quản lý vận hành không xảy ra sự cố hư hỏng thiết bị.

IV. CÁC CHỈ SỐ THỰC HIỆN

1. Thông kê tình trạng quá tải của các thiết bị trên lưới

a. PTC1

Trạm biến áp:

STT	Trạm biến áp	MBA	Ngày	Mức quá tải MAX (%)	Thời gian quá tải (giờ)
1	Trạm 220kV NĐ Hải Dương	AT6	29/03/2026	103.34	1.00
2	Trạm 220kV NĐ Hải Dương	AT6	29/03/2026	101.82	1.00
3	Trạm 220kV NĐ Hải Dương	AT6	29/03/2026	102.43	1.00
4	Trạm 220kV NĐ Hải Dương	AT6	29/03/2026	104.10	1.00
5	Trạm 220kV NĐ Hải Dương	AT6	29/03/2026	107.15	1.00

Đường dây:

STT	Đường dây	Xuất hiện ngày	Mức quá tải %	Thời gian quá tải (giờ)
1	273 T500 Hiệp Hòa - 271 Phú Bình	01/03/2026	105.59	1.00
2	273 T500 Hiệp Hòa - 271 Phú Bình	03/03/2026	102.48	1.00
3	273 Vân Trì - 276 Sóc Sơn	04/03/2026	101.76	1.00
4	273 Vân Trì - 276 Sóc Sơn	05/03/2026	106.33	1.00
5	273 T500 Hiệp Hòa - 271 Phú Bình	05/03/2026	100.81	1.00
6	273 Vân Trì - 276 Sóc Sơn	06/03/2026	103.00	1.00
7	273 Vân Trì - 276 Sóc Sơn	06/03/2026	106.54	1.00
8	273 Vân Trì - 276 Sóc Sơn	06/03/2026	113.84	1.00
9	273 T500 Hiệp Hòa - 271 Phú Bình	06/03/2026	100.93	1.00

10	273 T500 Hiệp Hòa - 271 Phú Bình	07/03/2026	102.60	1.00
11	273 Phú Bình - 271 Lưu Xá	07/03/2026	100.24	1.00
12	273 T500 Hiệp Hòa - 271 Phú Bình	07/03/2026	101.63	1.00
13	273 Phú Bình - 271 Lưu Xá	07/03/2026	101.65	1.00
14	271 T500 Việt Trì - 273 Việt Trì	08/03/2026	101.63	1.00
15	272 T500 Việt Trì - 272 Việt Trì	08/03/2026	101.85	1.00
16	271 T500 Việt Trì - 273 Việt Trì	15/03/2026	101.20	1.00
17	272 T500 Việt Trì - 272 Việt Trì	15/03/2026	100.20	1.00

b. PTC2

Trạm biến áp:

STT	Trạm biến áp	MBA	Ngày	Mức quá tải MAX (%)	Thời gian quá tải (giờ)
	Không xuất hiện				

Đường dây:

STT	Đường dây	Xuất hiện ngày	Mức quá tải %	Thời gian quá tải (giờ)
	Không xuất hiện			

c. PTC3

Trạm biến áp:

STT	Trạm biến áp	MBA	Ngày	Mức quá tải MAX (%)	Thời gian quá tải (giờ)
	Không xuất hiện				

Đường dây:

STT	Đường dây	Xuất hiện ngày	Mức quá tải %	Thời gian quá tải (giờ)
	Không xuất hiện			

d. PTC4

Trạm biến áp:

STT	Trạm biến áp	MBA	Ngày	Mức quá tải MAX (%)	Thời gian quá tải (giờ)
1	Uyên Hưng	AT1	03/03/2026 07:00:00	101.01	1
2	Uyên Hưng	AT1	05/03/2026 07:00:00	101.01	1
3	Uyên Hưng	AT1	09/03/2026 15:00:00	101.01	1
4	Uyên Hưng	AT1	17/03/2026 15:00:00	101.01	1

Đường dây:

STT	Đường dây	Xuất hiện ngày	Mức quá tải %	Thời gian quá tải (giờ)
1	220kV Long Thành (278) - Phú Mỹ (253,284)	05-03-26 12:00	101.11	1

2. Thống kê tình hình cắt điện trong lưới điện truyền tải

a. PTC1

STT	Tên thiết bị, ĐZ	Thời gian bắt đầu		Thời gian kết thúc		Theo KH	Không theo KH
		Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
1	Tách ĐZ 582 Nho Quan - 573 Thường Tín; MC 581, 582 T500NQ; MC 573, 563 T500 Thường Tín	29/03	5.00	29/03	17.00	x	
2	Tách MBA AT1, 531, 561, 231T500THO (500kV Thanh Hóa)	09/03	7.00	09/03	17.00	x	
3	Tách MBA AT1, MC 531, 530, 220, 221, 431T500NS (500kV Nghi Sơn)	04/03	7.00	04/03	20.00	x	
4	Tách TC C52; ĐZ 582, 562T500NS (500kV Nghi Sơn) - S2NMĐ Nghi Sơn 2; MC 582, 562 T500NS (500kV Nghi Sơn)	06/03	8.00	06/03	23.00	x	
5	Tách ĐZ 571 Nho Quan - 584 T500 Nghi Sơn; MC 571, 572, K501, T501 T500 Nho Quan; MC 584, 564 T500 Nghi Sơn. Tách bảo vệ 50BF MC 572	20/03	2.00	20/03	6.00	x	
6	Tách ĐZ ĐZ 575 Sơn La (A17.0) - 575, 576 T500NQ, MC 575, 576 T500NQ và các máy cắt đầu đối diện. Tách bảo vệ 50BF MC 576	20/03	6.00	20/03	10.00	x	
7	Tách ĐZ 574 Nho Quan - 574 T500 Nghi Sơn; MC 573, 574, K504, T504 T500 Nho Quan; MC 564, 574 T500 Nghi Sơn. Tách bảo vệ 50BF MC 573	20/03	18.00	20/03	22.00	x	
8	Tách ĐZ 572 Hòa Bình - 578 Nho Quan; MC 571, 572 T500 Hòa Bình; MC 577, 578 T500 Nho Quan. Tách bảo vệ 50BF MC 577	20/03	22.00	21/03	2.00	x	
9	Tách ĐZ 582 Nho Quan - 573 Thường Tín; MC 581, 582 T500NQ; MC 573, 563 T500 Thường Tín. Tách bảo vệ 50BF MC 581	21/03	2.00	21/03	6.00	x	
10	Tách MBA AT1 T500 Hà Tĩnh	16/03	6.00	31/03	18.00	x	
11	Tách ĐZ 575T500 Vũng Áng- 572T500 Quảng Trạch; MC 565, 575 T500 Vũng Áng	13/03	7.00	14/03	18.00	x	
12	Tách ĐZ 585T500 Vũng Áng- 571Quảng Trạch; MC 565, 585 T500 Vũng Áng	16/03	7.00	17/03	18.00	x	
13	Tách ngăn 562, 582 T500 Vũng Áng - T1 NMĐ Vũng Áng 2; MC 562, 582 T500 Vũng Áng	17/03	7.00	18/03	18.00	x	
14	Tách ngăn 563, 583 T500 Vũng Áng - T2 NMĐ Vũng Áng 2; MC 563, 583 T500 Vũng Áng	19/03	7.00	19/03	18.00	x	
15	Tách MBA AT1, MC 561, 531 T500 Vũng Áng	25/03	7.00	26/03	19.00	x	
16	Tách ĐZ 575 TĐ Sơn La - 575 Nho Quan; MC 575; 576 KH505 T500NQ	06/03	5.00	09/03	17.00	x	

17	Tách ĐZ 571 NMTĐ Hòa Bình MR - 578 Nho Quan; MC 577; 578 T500 Nho Quan	10/03	5.00	12/03	17.00	x	
18	Tách ĐZ 580 Sơn La - 574 Hoà Bình; MC 573, 574; K504 T500HB; MC 580, 581 T500 Sơn La	13/03	5.00	16/03	17.00	x	
19	Tách ĐZ 572 NMTĐ Hòa Bình MR - 572 Hòa Bình; MC 571, 572 T500 Hòa Bình	26/03	5.00	26/03	17.00	x	
20	Tách MBA AT1; 572; 573; 531; 231; 341 T500 Việt Trì	14/03	6.00	14/03	23.00	x	
21	Tách ĐZ 571 Quảng Ninh - 571 NĐ Mông Dương; MC 571, 561 T500 Quảng Ninh	20/03	7.00	20/03	17.00	x	
22	Tách 02 ĐZ 576 Sơn La - 571 Hiệp Hoà; MC 571; 572; K501 T500 Hiệp Hoà; MC 576; 577; K506 T500 Sơn La và 572 Hiệp Hoà - 571 Việt Trì; MC 571; 572 T500VT; MC 572; 573 T500 Hiệp Hoà	20/03	5.00	27/03	20.00	x	
23	Tách ĐZ 574 T500 Phố Nối - 572 T500 Đông Anh; MC 574; 564 T500 Phố Nối.	23/03	7.00	23/03	13.00	x	
24	Tách MBA AT2; MC 532; 562; 232 T500 Phố Nối.	24/03	8.00	25/03	8.00	x	
25	Tách MBA AT1; ngăn lộ 231 T500HH (500kV Hiệp Hoà)	12/03	23.00	13/03	6.00	x	
26	Tách ĐZ 271 T500 Lai Châu – 271 E29.20 (220kV Mường Tè); MC 2 đầu ĐZ	07/03	6.00	07/03	18.00	x	
27	Tách ĐZ 272 T500 Lai Châu – 272 E29.20 (220kV Mường Tè); MC 2 đầu ĐZ	08/03	6.00	08/03	18.00	x	
28	Tách MBA AT3; MC 233; 133; 433 T500 Lai Châu	14/03	6.00	14/03	17.00	x	
29	Tách MBA AT4; MC 234; 134 T500 Lai Châu	15/03	6.00	15/03	17.00	x	
30	Tách MBA AT1; TC C21; MC 271; 273; 131; 431, tách lần lượt TC C11; C12 E29.5 (220kV Than Uyên).	15/03	6.00	15/03	18.00	x	
31	Tách MBA AT2; TC C22; MC 272; 274; 132. Tách lần lượt TC C11; C12 E29.5 (220kV Than Uyên).	22/03	6.00	22/03	18.00	x	
32	Tách đz 273 A29.10 (TĐ Huội Quảng) - 271; 272 E29.5 (220kV Than Uyên); MC 271, 272 E29.5 (220kV Than Uyên)	29/03	6.00	29/03	18.00	x	
33	Tách ĐZ 271; 274 E19.10 Yên Thủy - 272 T500 Nho Quan; MC 271, 274 E19.10 (220kV Yên Thủy)	10/03	7.00	11/03	18.00	x	
34	Tách MBA AT1; MC 231; 131; 431 E1.35 (220kV Sơn Tây)	03/03	8.00	03/03	11.00	x	

35	Tách ĐZ 276 A100 (TĐ Hoà Bình) - 279 E1.4 (220kV Hà Đông)	04/03	5.00	04/03	17.00	x	
36	Tách ĐZ 274 A100 (TĐ Hoà Bình) – 273; 274 E10.5 (220kV Xuân Mai)	05/03	5.00	05/03	17.00	x	
37	Tách ĐZ 271 A9.33 (TĐ Thành Sơn) - 271 T500 T500 Nho Quan	17/03	5.00	17/03	17.00	x	
38	Tách ĐZ 270 A100 (TĐ Hoà Bình) – 271 A9.36 (TĐ Trung Sơn)	20/03	5.00	20/03	17.00	x	
39	Tách ĐZ 272 A9.36 (TĐ Trung Sơn) - 272 A9.33 (TĐ Thành Sơn)	23/03	5.00	23/03	17.00	x	
40	Tách ĐZ 271 A100 (TĐ Hoà Bình) – 274; 273 E19.10 (220kV Yên Thủy); MC 274, 273 E19.10	24/03	5.00	24/03	17.00	x	
41	Tách ĐZ 277 E1.4 (220kV Hà Đông) - 271; 272 E10.5 (220kV Xuân Mai); MC 271, 272 E10.5	27/03	5.00	27/03	17.00	x	
42	Tách ĐZ 275 A100 (TĐ Hoà Bình) - 278 E1.4 (220kV Hà Đông)	30/03	5.00	30/03	17.00	x	
43	Tách ĐZ 173 Xuân Mai E10.5 - 175 Sơn Tây E1.35; tách TC C19 E10.5 (220kV Xuân Mai)	09/03	7.00	14/03	17.00	x	
44	Tách ĐZ 171 Sơn Tây E1.35 - 172 Sơn Tây E1.7; MC 171 E1.35 (220kV Sơn Tây)	02/03	7.00	02/03	17.00	x	
45	Tách ĐZ 173 Sơn Tây E1.35 - 172 A1.60 NMD rác Seraphin; MC 173 E1.35 (220kV Sơn Tây)	04/03	7.00	04/03	17.00	x	
46	Tách ĐZ 174 Sơn Tây E1.35 - 171 Phùng Xá E1.28; MC 174 E1.35 (220kV Sơn Tây)	04/03	7.00	04/03	17.00	x	
47	Tách ĐZ 175 Sơn Tây E1.35 - 173 Xuân Mai E10.5; MC 175 E1.35 (220kV Sơn Tây)	06/03	7.00	06/03	17.00	x	
48	Tách ĐZ 176 Sơn Tây E1.35 - 171 CNC2 E1.73; MC 176 E1.35 (220kV Sơn Tây)	06/03	7.00	06/03	17.00	x	
49	Tách ĐZ 177 Sơn Tây E1.35 - 171 Thạch Thất 2 E1.74; MC 177 E1.35 (220kV Sơn Tây)	09/03	7.00	09/03	17.00	x	
50	Tách ĐZ 178 Sơn Tây E1.35 - 172 Phúc Thọ E10.6; MC 178 E1.35 (220kV Sơn Tây)	09/03	7.00	09/03	17.00	x	
51	Tách ĐZ 180 Sơn Tây E1.35 - 171 Phúc Thọ 2 E1.81; MC 180 E1.35 (220kV Sơn Tây)	11/03	7.00	11/03	17.00	x	
52	Tách ĐZ 181 Sơn Tây E1.35 - 172 Ba Vì E1.53; MC 181 E1.35 (220kV Sơn Tây)	02/03	7.00	02/03	17.00	x	
53	Tách ĐZ 273 T500 Việt Trì - 272 E25.10 (220kV Vĩnh Tường); MC 2 đầu ĐZ (liên tục)	05/03	5.00	20/03	20.00	x	

54	Tách ĐZ 271 T500 Việt Trì - 273 E4.4 (220kV Việt Trì); MC 2 đầu ĐZ (đi chung cột 4 mạch cùng phía với ĐZ 273 T500 Việt Trì - 272 E25.10 Vĩnh Tường) (liên tục)	05/03	5.00	12/03	20.00	x	
55	Tách ĐZ 271 T500 Việt Trì - 273 E4.4 (220kV Việt Trì) (đi chung cột 4 mạch cùng phía với ĐZ 273 T500 Việt Trì - 272 E25.10 Vĩnh Tường) (Sáng tách chiều trả)	13/03	5.00	20/03	17.00	x	
56	Tách ĐZ 272 T500 Việt Trì - 272 E4.4 (220kV Việt Trì) MC 2 đầu ĐZ (giao chéo với ĐZ 273 T500 Việt Trì - 272 Vĩnh Tường):	15/03	4.00	15/03	22.00	x	
57	Tách ĐZ 275 E4.4 (220kV Việt Trì) - 274 E4.15 (220kV Phú Thọ); MC 275 E4.4 và MC 274 E4.15	01/03	21.00	04/03	7.00	x	
58	Tách MBA AT1; 231; 131 E14.6 (220kV Tuyên Quang)	04/03	5.00	04/03	20.00	x	
59	Tách C11 và MBA AT2; 232; 132; 432 E12.3 (220kV Yên Bái)	07/03	22.00	09/03	8.00	x	
60	Tách ĐZ 173 E12.3 (220kV Yên Bái) - 172 E12.23 Bảo Hưng; Tách MC 173 E12.3	08/03	9.00	08/03	13.00	x	
61	Tách MBA AT1; 231; 131; 431 E12.3 (220kV Yên Bái)	15/03	1.00	15/03	20.00	x	
62	Tách MBA AT1; 231; 131; 431 E20.23 (220kV Bảo Thắng)	05/03	5.00	05/03	20.00	x	
63	Tách MBA T3; 133; 433; 333 E20.23 (220kV Vĩnh Tường)	15/03	7.00	15/03	12.00	x	
64	Tách MBA T4; 134; 434; 334 E20.23 (220kV Vĩnh Tường)	15/03	13.00	15/03	17.00	x	
65	Tách TC C22 và MBA AT1; ngăn lộ 231; 131; 431 E4.15 (220kV Phú Thọ)	01/03	0.00	01/03	12.00	x	
66	Tách ĐZ 220kV 271 E12.3 (220kV Yên Bái) - 273 E20.3 (220kV Lào Cai). Sáng tách chiều trả	01/03	5.00	04/03	17.00	x	
67	Tách ĐZ 220kV 273 E12.3 (220kV Yên Bái) - 273 E4.15 (220kV Phú Thọ). Sáng tách chiều trả	05/03	5.00	06/03	17.00	x	
68	Tách ĐZ 220kV 272 E12.3 (220kV Yên Bái) - 274 E20.3 (220kV Lào Cai). Sáng tách chiều trả	10/03	5.00	13/03	17.00	x	
69	Tách ĐZ 220kV 274 E12.3 (220kV Yên Bái) - 272 E4.15 (220kV Phú Thọ). Sáng tách chiều trả	14/03	5.00	15/03	17.00	x	
70	Tách ĐZ 220kV 273 E22.4 (220kV Hà Giang) - 272 E6.2 (220kV Thái Nguyên). Sáng tách chiều trả	16/03	5.00	19/03	17.00	x	

71	Tách ĐZ 220kV 271 A14.0 (TĐ Tuyên Quang) - 273 E14.6 (220kV Tuyên Quang). Sáng tách chiều trả	21/03	5.00	24/03	17.00	x	
72	Tách ĐZ 220kV 274 E4.4 (220kV Việt Trì) - 271 E4.15 (220kV Phú Thọ). Sáng tách chiều trả	28/03	5.00	29/03	17.00	x	
73	Tách ĐZ 286 A80 (NĐ Phả Lại) - 271; 272 E27.6 (220kV Bắc Ninh) (Sáng tách chiều trả)	10/03	5.00	11/03	17.00	x	
74	Tách ĐZ 271 A80 (NĐ Phả Lại) - 273 T500 Phô Nổi; MC 273 T500 Phô Nổi (Sáng tách chiều trả)	12/03	5.00	13/03	17.00	x	
75	Tách ĐZ 273; 274 A53-2 (NĐ Uông Bí 2) - 278 E5.9 (220kV Trảng Bạch); MC 278 E5.9 (Sáng tách chiều trả)	09/03	5.00	10/03	17.00	x	
76	Tách ĐZ 277 E5.9 (220kV Trảng Bạch) - 273; 274 E5.35 (220kV Yên Hưng); MC 277 E5.9; MC 273; 274 E5.35 (Sáng tách chiều trả)	11/03	5.00	12/03	17.00	x	
77	Tách ĐZ 273 A5.25 (NĐ Mạo Khê) - 274 E8.20 (220kV Hải Dương 2); MC 274 E8.20	23/03	5.00	24/03	17.00	x	
78	Tách ĐZ 274 A5.25 (NĐ Mạo Khê) - 273 E8.20 (220kV Hải Dương 2); MC 273 E8.20	25/03	5.00	26/03	17.00	x	
79	Tách ĐZ 174 E5.30 (220kV KCN Hải Hà) - 175 E5.6 (Tiên Yên); MC 174 E5.30	12/03	7.00	12/03	19.00	x	
80	Tách ĐZ 175 E5.30 (220kV KCN Hải Hà) - 172 E5.29 (KCN Hải Hà 3); MC 175 E5.30	13/03	7.00	13/03	19.00	x	
81	Tách ĐZ 182 E5.9 (220kV Trảng Bạch) - 173 E5.39 (Thép Đông Á); MC 182 E5.9 (220kV Trảng Bạch)	16/03	7.00	16/03	19.00	x	
82	Tách ĐZ 174 A53 (NĐ Uông Bí) - 183 E5.9 (220kV Trảng Bạch) - 171 E2.8 (Chinfon); MC 183 E5.9 (220kV Trảng Bạch)	17/03	7.00	17/03	19.00	x	
83	Tách ĐZ 177 T500 Quảng Ninh - 171-7 E5.17 (XM Hạ Long) - 171 E5.14 (XM Thăng Long) - 175 E5.8 (220kV Hoành Bồ); MC 177 T500QN; MC 175 E5.8.	18/03	7.00	18/03	19.00	x	
84	Tách ĐZ 178 T500 Quảng Ninh - 172-7 E5.17 (XM Hạ Long) - 172 E5.14 (XM Thăng Long) - 176 E5.8 (220kV Hoành Bồ); MC 178 T500QN; MC 176 E5.8.	19/03	7.00	19/03	19.00	x	
85	Tách MBA AT1; ngăn lộ 231; 131; TC C19; MC100 E29.20 (Mường Tè)	07/3	6.00	07/3	21.00	x	
86	Tách MBA AT2; ngăn lộ 232; 132; TC C19; MC100 E29.20 (220kV Mường Tè)	08/3	6.00	08/3	21.00	x	

87	Tách MBA AT3; ngăn lộ 233; 133 E29.20 (220kV Mường Tè)	22/3	6.00	22/3	23.00	x	
88	Tách MBA AT3; ngăn lộ 233; 133 E29.20 (220kV Mường Tè)	29/3	6.00	31/3	23.00	x	
89	Tách ĐZ 180 E29.20 (220kV Mường Tè) - 171 A29.17 (TĐ Nậm Sỉ Lường 1); MC 180; TC C19; MC100 E29.20 (220kV Mường Tè)	22/3	6.00	22/3	23.00	x	
90	Tách ĐZ 181 E29.20 (220kV Mường Tè) - 171 A29.26 (TĐ Nậm Bùn 2); MC 181; TC C19; MC 100 E29.20 (220kV Mường Tè)	22/3	6.00	22/3	23.00	x	
91	Tách ĐZ 180 E29.20 (220kV Mường Tè) - 171 A29.17 (TĐ Nậm Sỉ Lường 1); MC 180; TC C19; MC100 E29.20 (220kV Mường Tè)	29/3	6.00	31/3	23.00	x	
92	Tách ĐZ 181 E29.20 (220kV Mường Tè) - 171 A29.26 (TĐ Nậm Bùn 2); MC 181; TC C19; MC 100 E29.20 (220kV Mường Tè)	29/3	6.00	31/3	23.00	x	
93	Tách ĐZ 173 E29.20 (220kV Mường Tè) - 172 A29.50 (TĐ Nậm Cùn 4); MC 173; TC C19; MC 100 E29.20 (220kV Mường Tè)	09/03	7.00	09/03	16.00	x	
94	Tách ĐZ 271 A80 (NMNĐ Phả Lại) – 273 T500 Phở Nổi; Tách MC 273 T500 Phở Nổi. (Sáng cắt chiều trả).	02/03	6.00	03/03	17.00	x	
95	Tách ĐZ 272 A80 (NMNĐ Phả Lại) – 271; 272 E8.9 (220kV Hải Dương); Tách MC 271; 272 E8.9. (Sáng cắt chiều trả).	04/03	6.00	05/03	17.00	x	
96	Tách ĐZ 272 T500 Thường Tín – 273; 274 E28.1 (220kV Phở Nổi); MC 273; 274 E28.1	06/03	6.00	06/03	17.00	x	
97	Tách ĐZ 286 A2.25 (NMNĐ Hải Phòng) - 271 E2.20 (220kV Đình Vũ); MC 271 E2.20 (Sáng cắt chiều trả).	09/03	6.00	10/03	17.00	x	
98	Tách ĐZ 285 A2.25 (NMNĐ Hải Phòng) - 272 E2.20 (220kV Đình Vũ). (Sáng cắt chiều trả).	11/03	6.00	12/03	17.00	x	
99	Tách ĐZ 272 E2.1 (220kV Đồng Hòa) - 272 E2.9 (220kV Vật Cách); MC 2 đầu ĐZ	13/03	5.00	13/03	18.00	x	
100	Tách ĐZ 271 E2.9 (220kV Vật Cách) - 271 E2.1 (220kV Đồng Hòa).	14/03	6.00	14/03	17.00	x	
101	Tách ĐZ 271 T500 Thường Tín – 273; 274 E28.15 (220kV Yên Mỹ); MC 273, 274 E28.15.	16/03	6.00	16/03	17.00	x	
102	Tách ĐZ 275 T500 Phở Nổi – 271; 272 E28.15 (220kV Yên Mỹ); MC 271, 272 E28.15 (Sáng cắt chiều trả).	17/03	6.00	19/03	17.00	x	

103	Tách ĐZ 281 A2.25 (NMNĐ Hải Phòng) - 274 E2.35 (220kV Thủy Nguyên); MC 274 E2.35. (Cắt điện liên tục).	23/03	6.00	24/03	17.00	x	
104	Tách ĐZ 282 A2.25 (NMNĐ Hải Phòng) - 273 E2.35 (220kV Thủy Nguyên); MC 273 E2.35.	25/03	6.00	25/03	17.00	x	
105	Tách ĐZ 173 E2.20 (220kV Đình Vũ) - 171 E2.17 (Thép Đình Vũ); MC 173 E2.20	08/03	5.00	08/03	20.00	x	
106	Tách ĐZ 172 T500 Phố Nối - 171 E28.19 (Như Quỳnh); MC 171 T500 Phố Nối.	01/03	8.00	01/03	17.00	x	
107	Tách ĐZ 174 E2.20 (220kV Đình Vũ) - 171 E2.29 (Bridgestone); MC 174 E2.20	01/03	7.00	01/03	12.00	x	
108	Tách MBA AT3; MC 233; 133; 433 T500 Phố Nối.	03/03	7.00	03/03	17.00	x	
109	Tách ĐZ 274 T500 Phố Nối – 273; 274 E8.9 (220kV Hải Dương); MC 274 T500 Phố Nối;	03/03	22.00	04/03	17.00	x	
110	Tách ĐZ 171 E28.1 (220kV Phố Nối) - 171 E28.6 (Yên Mỹ); MC 171 E28.1	08/03	7.00	08/03	12.00	x	
111	Tách ĐZ 172 E28.1 (220kV Phố Nối) - 171 E28.22 (Đị Sừ); MC 172 E28.1	09/03	7.00	09/03	17.00	x	
112	Tách ĐZ 274 E2.9 (220kV Vật Cách) - 276 E5.9 (220kV Trảng Bạch); MC 274 E2.9	08/03	6.00	10/03	6.00	x	
113	Tách MBA AT1; MC 231; 131; 431 E2.9 (220kV Vật Cách).	12/03	1.00	18/03	6.00	x	
114	Tách ĐZ 276 E2.9 (220kV Vật Cách) - 272 E2.35 (220kV Thủy Nguyên); MC 276 E2.9; 272 E2.35	24/03	6.00	26/03	6.00	x	
115	Tách ĐZ 178 E2.9 (220kV Vật Cách) – 172 E2.38 (KCN An Dương); MC 178 E2.9	31/03	1.00	01/04	6.00	x	
116	Tách MBA AT1; MC 231; 131; 431 E2.9 (220kV Vật Cách) (khi khôi phục MBA AT1 phía 22kV (MC 431) tách khỏi vận hành)	06/03	22.00	07/03	6.00	x	
117	Tách Đ/d 271 E8.35 (220kV Gia Lộc) - 285 E8.30 (220kV NĐ Hải Dương); MC 271 E8.35; MC 285; 255 E8.30	04/03	9.00	04/03	16.00	x	
118	Tách MBA AT1; MC 231; 131; 431 E8.35 (220kV Gia Lộc).	12/03	7.00	12/03	20.00	x	
119	Tách ĐZ 174 E16.5 (220kV Bảo Lâm) - 171 A16.17 (TĐ.Bảo Lạc B); 174 E16.5	07/03	22.00	08/03	7.00	x	
120	Tách ĐZ 274 E14.6 (220kV Tuyên Quang) - 274 E6.16 (220kV Phú Bình); MC 2 đầu ĐZ	07/03	5.00	08/03	17.00	x	

121	Tách ĐZ 220kV 271 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 272 E6.20 (220kV Lưu Xá); MC 2 đầu TBA	08/03	0.00	08/03	3.00	x	
122	Tách MBA AT1; ngăn lộ 231; 131; 431 E7.6 (220kV Bắc Giang)	12/03	6.00	13/03	17.00	x	
123	Tách MBA AT2; ngăn lộ 232; 132; 432 E7.6 (220kV Bắc Giang)	14/03	6.00	15/03	17.00	x	
124	Tách MBA AT2; ngăn lộ 232; 132 E22.4 (220kV Hà Giang)	14/03	6.00	14/03	17.00	x	
125	Tách MBA AT1; ngăn lộ 231; 131; 431 E22.4 (220kV Hà Giang)	15/03	0.00	15/03	23.00	x	
126	Tách MBA AT1; MC 231; MC 131; MC 431; MBA TD41 E7.15 (220kV Quang Châu)	15/03	5.00	15/03	17.00	x	
127	Tách ĐZ 176 E7.15 (220kV Quang Châu) - 172 E7.7 (110kV Đình Trám)	15/03	5.00	15/03	17.00	x	
128	Tách ĐZ 177 E7.15 (220kV Quang Châu) - 172 E7.18 (110kV Vân Trung)	16/03	5.00	16/03	17.00	x	
129	Tách ĐZ 220kV 271 E6.20 (220kV Lưu Xá) - 273 E6.16 (220kV Phú Bình); ngăn lộ 2 đầu TBA	21/03	5.00	21/03	15.00	x	
130	Tách ĐZ 274 E22.4 (220kV Hà Giang) - 272 (274) A22.33 (TĐ Bắc Mê); ngăn lộ 274 E22.4 (220kV Hà Giang)	29/03	5.00	29/03	15.00	x	
131	Tách ĐZ 271 E7.6 (220kV Bắc Giang) - 271 E13.10 (220kV Lạng Sơn); MC 2 đầu ĐZ	26/02	6.00	22/03	16.00	x	
132	Tách ĐZ 272 E7.6 (220kV Bắc Giang) - 272 E6.25 (220kV Phú Bình 2); MC 272 E7.6 (Khi khôi phục sẽ là đường dây 271 E7.6 (220kV Bắc Giang) - 272 E6.25 (220kV Phú Bình 2))	26/02	7.00	28/02	23.00	x	
133	Tách ĐZ 285 A80II (NĐ Phả Lại) - 273 E7.6 (220kV Bắc Giang); MC 273 E7.6	01/03	5.00	10/03	16.00	x	
134	Tách ĐZ 271 E7.6 (220kV Bắc Giang) - 272 E6.25 (220kV Phú Bình 2)	12/03	0.00	22/03	16.00	x	
135	Tách ĐZ 273 T500 Hiệp Hoà - 271 E6.16 (220kV Phú Bình) MC 2 đầu ĐZ	06/03	5.00	18/03	20.00	x	
136	Tách ĐZ 274 T500 Hiệp Hoà - 272 E6.16 (220kV Phú Bình); MC 2 đầu ĐZ	13/03	5.00	15/03	20.00	x	
137	Tách ĐZ 273 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 271 E6.25 (220kV Phú Bình 2); MC 273 E6.2	14/03	0.00	15/03	23h00	x	
138	Tách ĐZ 220kV 275T500 THN - 272 E1.6 220kV Chèm và ĐZ 220kV 272 T500 THN - 271 E1.6 220kV Chèm	04/03	6.00	07/03	24.00	x	

139	Tách ĐZ 275T500 Thường Tín - 274 E1.4 220kV Hà Đông và ĐZ 276T500 Thường Tín - 275 E1.4 220kV Hà Đông	09/03	7.00	11/03	24.00	x	
140	Tách ĐZ 272 Thường Tín (T500TT) - 273,274 Phố Nội (E28.1);	13/03	5.00	13/03	17.00	x	
141	Tách ĐZ 272 Long Biên (E1.45) - 272 Bắc Ninh 2 (E27.10)	14/03	5.00	14/03	17.00	x	
142	Tách ĐZ 271 Hà Đông (E1.4) - 271 Thành Công (E1.11); đêm cắt, sáng trả	18/03	22.00	21/03	5.00	x	
143	Tách ĐZ 271 Tây Hà Nội (T500THN) - 272 Thành Công (E1.11)	22/03	22.00	25/03	5.00	x	
144	Tách ĐZ 277 T500 Thường Tín - 272 E24.4 (220kV Phú Lý); MC277 (T500TT), 272 E24.4 (220kV Phú Lý)	2/3	8.00	3/3	23.00	x	
145	Tách: MBA AT4, 234, 134, 434 (T500TT).	18/3	06h00	18/3	18h00	x	
146	Tách MBA T4, tách MC 134, 334, 434 E1.6 220kV Chèm	25/03	22.00	26/03	7.00	x	
147	Tách MBA AT1, MC 231, MC 131 E1.6 220kV Chèm; TC C29 E1.6 220kV Chèm	13/03	6.00	13/03	17.00	x	
148	Tách C21, MBA AT5, MC235, MC 135 E1.6 220kV Chèm	18/03	22.00	18/03	7.00	x	
149	Tách MBA AT2, MC 232, MC 132 E1.6 220kV Chèm	21/03	6.00	21/03	17.00	x	
150	Tách MBA T5, MC 135, 435, 335 E1.3 (220kV Mai Động)	06/03	6.00	06/03	22.00	x	
151	Tách MBA T3 E1.23 (220kV Vân Trì)	21/3	22.00	22/3	7.00	x	
152	Tách MBA AT3, MC 233, 133, 173, 174 E1.45 (220kV Long Biên)	08/03	0.00	08/3	8.00	x	
153	Tách ĐZ 173 E27.6 (T220 Bắc Ninh) - 173 E27.17 (T110 Quế Võ 4), MC173 E27.6 (220kV Bắc Ninh)	07/03	22.00	09/03	6.00	x	
154	Tách ĐZ 271, 272 E27.6 (T220 Bắc Ninh) - 286 A80-2 (Phả Lại 2) và MC 271, 272 E27.6 (220kV Bắc Ninh)	11/03	23.00	12/03	8.00	x	
155	Tách ĐZ 273, 274 E27.6 (T220 Bắc Ninh) - 274 E7.15 (T220 Quang Châu) và MC 273, 274 E27.6 (220kV Bắc Ninh)	1/3	23.00	2/3	8.00	x	
156	Tách MBA AT1, C21, MC 271, 273, 131, 431 E27.6 (220kV Bắc Ninh)	20/03	23.00	22/03	23.00	x	
157	Tách ĐZ 272 E27.10 (220kV Bắc Ninh 2) - 272 E1.45 (Long Biên) và MC 271 E27.10 (220kV Bắc Ninh 2)	04/03	9.00	04/03	17.00	x	
158	Tách MBA AT2, MC232, 132 E27.10 (220kV Bắc Ninh 2)	07/03	22.00	08/03	8.00	x	

159	Tách TC C21, MBA AT3, MC233, 133, 433, 212 E27.10 (220kV Bắc Ninh 2)	14/03	22.00	15/03	8.00	x	
160	Tách ĐZ 177 E27.10 (220kV Bắc Ninh 2) - 171 E7.5 (Kính Nối) và MC 177 E27.10	22/03	8.00	22/03	17.00	x	
161	Tách ĐZ 180 E27.10 (220kV Bắc Ninh 2) - 172 E27.23 (Nam Sơn) và MC 180 E27.10	29/03	8.00	29/03	17.00	x	
162	Tách ĐZ 171 E27.15 (220kV Bắc Ninh 3) - 171 E27.16 (110kV Yên Phong 5) và MC 171 E27.15 (Phối hợp lịch với B27)	20/03	7.00	20/03	17.00	x	
163	Tách ĐZ 173 E27.15 ÷ 172 E27.7 Yên Phong, MC 173 và TC C11 E27.15 (Phối hợp lịch với B27)	21/03	7h00	21/03	17h00	x	
164	Tách MC 277, DZ 277 E1.4 (220kV Hà Đông) - 271, 272 E10.5 Xuân Mai; TC C21, C29 E1.4 (220kV Hà Đông)	03/03	7.00	03/03	22.00	x	
165	Tách MC 279, DZ 279 E1.4 (220kV Hà Đông) - 276 A100 Hòa Bình	10/03	7.00	10/03	20.00	x	
166	Tách MC 278, DZ 278 E1.4 (220kV Hà Đông) - 275 A100 Hòa Bình	15/3	7.00	15/3	20.00	x	
167	Tách MBA AT2, MC 132, 232 E11.15 (220kV Thái Thụy)	06/03	8.00	06/03	17.00	x	
168	Tách ĐZ 271 E11.15 (220kV Thái Thụy) - 274 A11.10 (NĐ Thái Bình 2), MC 271, 212; tách lần lượt C21, C22 E11.15 (220kV Thái Thụy)	09/03	7.00	09/03	22.00	x	
169	Tách ĐZ 272 E11.15 (220kV Thái Thụy) - 284 A11.10 (NĐ Thái Bình 2), MC 272, 212, tách lần lượt TC C21, C22 E11.15 (220kV Thái Thụy)	10/03	7.00	10/03	22.00	x	
170	Tách ĐZ 171 E11.15- 174 E11.2, MC 171, TC C11, MC112 E11.15 (220kV Thái Thụy)	11/03	0.00	11/03	7.00	x	
171	Tách ĐZ 171 E11.15- 174 E11.2, MC 171, TC C12 E11.15 (220kV Thái Thụy)	12/03	0.00	12/03	7.00	x	
172	Tách ĐZ 172 E11.15- 172 E11.9, MC 172, TC C11 E11.15 (220kV Thái Thụy)	13/03	0.00	13/03	7.00	x	
173	Tách ĐZ 172 E11.15- 172 E11.9, MC 172, TC C12 E11.15 (220kV Thái Thụy)	14/03	0.00	14/03	7.00	x	
174	Tách ĐZ 173 E11.15- 171 E11.12, MC 173, TC C11, E11.15 (220kV Thái Thụy)	15/03	0.00	15/03	7.00	x	
175	Tách ĐZ 173 E11.15- 171 E11.12, MC 173, TC C12 E11.15 (220kV Thái Thụy)	16/03	0.00	16/03	7.00	x	
176	Tách ĐZ 174 E11.15- 171 E11.2, MC 174, TC C11, E11.15 (220kV Thái Thụy)	17/03	0.00	17/03	7.00	x	

177	Tách ĐZ 174 E11.15- 171 E11.2, MC 174, TC C12 E11.15 (220kV Thái Thụy)	18/03	0.00	18/03	7.00	x	
178	Tách ĐZ 175 E11.15- 172 E11.14, MC 175, TC C11, E11.15 (220kV Thái Thụy)	19/03	0.00	19/03	7.00	x	
179	Tách ĐZ 175 E11.15- 172 E11.14, MC 175, TC C12 E11.15 (220kV Thái Thụy)	20/03	0.00	20/03	7.00	x	
180	Tách ĐZ 176 E11.15- 172 E11.17, MC 176, TC C11, E11.15 (220kV Thái Thụy)	21/03	0.00	21/03	7.00	x	
181	Tách ĐZ 176 E11.15- 172 E11.17, MC 176, TC C12 E11.15 (220kV Thái Thụy)	22/03	0.00	22/03	7.00	x	
182	Tách MBA AT1, MC 231, MC 131, 431, TC C21, TC C11 E11.15 (220kV Thái Thụy)	23/03	7.00	24/03	7.00	x	
183	Tách MBA AT1, MC 231, MC 131, 431, TC C22, TC C12 E11.15 (220kV Thái Thụy)	25/03	7.00	25/03	22.00	x	
184	Tách MBA AT2, 232, 132 E23.1 (220kV Ninh Bình)	12/03	7.00	12/03	17.00	x	
185	Tách ĐZ 177 E11.20 (220kV Vũ Thư) - 172 E11.3 (110kV Thái Bình), MC177 E11.20 (220kV Vũ Thư)	03/03	6.00	03/03	18.00	x	
186	Tách ĐZ 178 E11.20 (220kV Vũ Thư) - 172 E11.21 (110kV Sông Trà), MC178 E11.20 (220kV Vũ Thư)	05/03	6.00	05/03	24.00	x	
187	Tách ĐZ 271 E11.20 (220kV Vũ Thư) - 273, 274 E3.7 (220kV Nam Định), MC271 E11.20	21/03	6.00	21/03	24.00	x	
188	Tách ĐZ 180 - E24.15 (Thanh Nghị 220kV) - 172-E24.9 (Xi măng Xuân Thành); MC 180, TC C19 E24.15 (Thanh Nghị 220kV)	09/03	7.00	09/03	12.00	x	
189	Tách ĐZ 181 - E24.15 (Thanh Nghị 220kV) - 171-E24.21 (Xi măng Xuân Thành DC3); MC 181, TC C19-E24.15 (Thanh Nghị 220kV)	09/03	12.00	09/03	17.00	x	
190	Tách ĐZ 272 Ba Chè (E9.2)-272 Thanh Nghị (E24.15) (Sáng cắt chiều trả)	03/03	5.00	04/03	17.00	x	
191	Tách ĐZ 274 Nho Quan (T500NQ)- 271 Ninh Bình (E23.1) (Sáng cắt chiều trả)	11/03	5.00	12/03	17.00	x	
192	Tách ĐZ 274 Ninh Bình (E23.1)-271 Bim Sơn (E9.20) (Sáng cắt chiều trả)	17/03	5.00	18/03	17.00	x	
193	Tách ĐZ 273 Nho Quan (T500NQ) - 272 Ninh Bình (E23.1) (Sáng cắt chiều trả)	21/03	5.00	22/03	17.00	x	
194	Tách MC172; ĐZ 172, Nam Định (E3.7) - 172 Nam Điền (E3.21)	04/03	8.00	04/03	15.00	x	

195	Tách MC173; ĐZ 173, Nam Định (E3.7) - 171 Nam Ninh (E3.12)	05/03	8.00	05/03	14.00	x	
196	Tách MC174; ĐZ 174, Nam Định (E3.7) - 172 Phi Trường (E3.4)	06/03	7.00	06/03	16.00	x	
197	Tách ĐZ 271, 272 Nam Định (E3.7) - 272 Trục Ninh (E3.20), MC 271, 272, TC C23 E3.7 (220kV Nam Định)	13/03	7.00	13/03	17.00	x	
198	Tách MBA AT2, C22, MC272, 274, 132 E3.7 (220kV Nam Định)	14/03	7.00	14/03	17.00	x	
199	Tách ĐZ 171 Phủ Lý (E24.4) - 171 Kim Bảng (E24.16), Tách MC171 E24.4 (220kV Phủ Lý)	08/03	22.00	09/03	6.00	x	
200	Tách ĐZ 172 Phủ Lý (E24.4) - 171 Đồng Văn 4 (E24.14), MC172 E24.4 (220kV Phủ Lý)	15/03	22.00	16/03	6.00	x	
201	Tách ĐZ 271E9.20 (220kV Bim Sơn) - 274E23.1 (220kV Ninh Bình)	02/03	6.00	04/03	6.00	x	
202	Tách TC C11, MBA AT1, 231, 131, 431E9.20 (220kV Bim Sơn)	16/03	7.00	16/03	17.00	x	
203	Tách ĐZ 176E9.20 (220kV Bim Sơn) - 174A37 (NĐ Ninh Bình)	05/03	7.00	05/03	15.00	x	
204	Tách ĐZ 273E9.60 (220kV KKT Nghi Sơn) - 276E9.10 (220kV Nghi Sơn); tách TC C21E9.60 (220kV KKT Nghi Sơn)	13/03	7.00	13/03	17.00	x	
205	Tách ĐZ 274E9.60 (220kV KKT Nghi Sơn) - 275E9.10 (220kV Nghi Sơn); tách TC C22E9.60 (220kV KKT Nghi Sơn)	14/03	7.00	14/03	17.00	x	
206	Tách ĐZ 171E9.60 (220kV KKT Nghi Sơn) - 172E9.28 (110kV Luyện Kim 1)	06/03	7.00	06/03	16.00	x	
207	Tách ĐZ 172E9.60 (220kV KKT Nghi Sơn) - 171E9.28 (110kV Luyện Kim 1)	07/03	7.00	07/03	16.00	x	
208	Tách ĐZ 173E9.60 (220kV KKT Nghi Sơn) - 171E9.59 (110kV Luyện Kim 2)	08/03	7.00	08/03	16.00	x	
209	Tách ĐZ 174E9.60 (220kV KKT Nghi Sơn) - 172E9.59 (110kV Luyện Kim 2)	09/03	7.00	09/03	16.00	x	
210	Tách MBA AT1, 231, 131, 431E9.10 (220kV Nghi Sơn)	12/03	7.00	12/03	23.00	x	
211	Tách ĐZ 177E9.2 (220kV Ba Chè) - 171A9.0 (TĐ Cửa Đạt)	02/03	7.00	02/03	23.00	x	
212	Tách ĐZ 178E9.2 (220kV Ba Chè) - 172E9.19 (110kV Cổ định)	03/03	7.00	03/03	23.00	x	
213	Tách ĐZ 271T500THO (500kV Thanh Hóa) -276E9.2 (220kVBa Chè)	01/03	7.00	01/03	16.00	x	

214	Tách ĐZ 272T500THO (500kV Thanh Hóa) -273E9.2 (220kVBa Chè)	02/03	7.00	02/03	16.00	x	
215	Tách ĐZ 275 E15.1 (220kV Hưng Đông) - 275 T500 Hà Tĩnh, MC 275 E15.1 (220kV Hưng Đông), 275 T500 Hà Tĩnh	26/03	5.00	26/03	18.00	x	
216	Tách ĐZ 274 E15.1 (220kV Hưng Đông) - 276 T500 Hà Tĩnh, MC 274 E15.1 (220kV Hưng Đông), 276 T500 Hà Tĩnh	27/03	5.00	27/03	18.00	x	
217	Tách MBA AT2, TD42, MC 232, 132, 432, TCC19, C29 E15.50 (220kV Nam Cẩm).	04/03	6.00	04/03	18.00	x	
218	Tách ĐZ 271 E15.50 (220kV Nam Cẩm) - 271 E15.1 (220kV (220kV Hưng Đông)); MC 271 E15.50, 271 E15.1.	05/03	6.00	05/03	18.00	x	
219	Tách ĐZ 276 E15.50 (220kV Nam Cẩm) - 276 E15.1 (220kV Hưng Đông)); MC 276 E15.50, 276 E15.1. Tách C29 E15.50. Tách lần lượt thanh cái C21, C22 E15.50	06/03	6.00	06/03	18.00	x	
220	Tách ĐZ 175 E15.10 (220kV Đô Lương) – 171 T110 Tân Kỳ; MC175 E15.10 Đô Lương	08/03	6.00	08/03	18.00	x	
221	Tách ĐZ 176 E15.10 (220kV Đô Lương) – 172 T110 Tân Kỳ; MC176 E15.10 Đô Lương	09/03	6.00	09/03	18.00	x	
222	Tách ĐZ 271 E15.10 (220kV Đô Lương) - 272 E15.1 (220kV Hưng Đông), MC 271 E15.10 Đô Lương, MC 272 E15.1 Hưng Đông. Tách lần lượt C21, C22 E15.10 Đô Lương	13/03	6.00	13/03	18.00	x	
223	Tách ĐZ 272 E15.10 (220kV Đô Lương) - 273 E15.1 (220kV Hưng Đông), MC 272 E15.10 Đô Lương, MC 273 E15.1. Hưng Đông. Tách lần lượt thanh cái C21, C22 E15.1 Hưng Đông. Tách lần lượt C21, C22 E15.10 Đô Lương	14/03	6.00	14/03	18.00	x	
224	Tách MBA AT3, MC233, 133 và tách lần lượt TC C21, C22 E15.1 (220kV Hưng Đông)	14/03	6.00	14/03	18.00	x	
225	Tách MBA AT4, MC234, 134 E15.1 (220kV Hưng Đông)	15/03	6.00	15/03	13.00	x	
226	Tách ĐZ 273 E15.10- ĐZ 272, 274 A15.20 Tách MC 273, tách lần lượt C21, C22 E15.10 (220kV Đô Lương)	15/03	6.00	15/03	18.00	x	
227	Tách ĐZ 274 E15.10- ĐZ 275 E15.40. Tách MC 274 E15.10. Tách MC 275 E15.40. Tách lần lượt C21, C22 E15.10 Đô Lương	16/03	6.00	16/03	18.00	x	
228	Tách ĐZ 172 E15.1- ĐZ 172 E15.15; MC 172 E15.1 (220kV Hưng Đông)	19/03	6.00	19/03	18.00	x	

229	Tách ĐZ 171 E18.35 - 110kV Kỳ Anh, MC 171 E18.35 (220kV Vũng Áng)	10/03	6.00	11/03	20.00	x	
230	Tách ĐZ 220kV 273 Vũng Áng (A18.10) - 271, 272 Đồng Hới	21/03	6.00	21/03	18.00	x	
231	Tách ĐZ 220kV 274 Vũng Áng (A18.10) - 272 Formosa (A18.15)	22/03	6.00	22/03	18.00	x	
232	Tách ĐZ 220kV 271 Formosa (A18.15) - 271 Ba Đồn	23/03	6.00	23/03	18.00	x	
233	Tách ĐZ 171 T500HT - 171 Hương Khê, C19 trạm 500kV Hà Tĩnh	01/03	6.00	01/03	18.00	x	
234	Tách ĐZ 176 T500HT - 172 E18.9 Cẩm Xuyên, tách C19 trạm 500kV Hà Tĩnh	02/03	6.00	02/03	18.00	x	
235	Tách ĐZ 174 T500HT - 171 E18.13 Hà Tĩnh, C19 trạm 500kV Hà Tĩnh	03/03	7.00	03/03	17.00	x	
236	Tách ĐZ 172 T500HT - 172 E18.1 Thạch Linh, tách C19 trạm 500kV Hà Tĩnh	04/03	7.00	04/03	17.00	x	
237	Tách MBA AT3, TD43 (Tách MC 233, 133, 433), C29, C19 trạm 500kV Hà Tĩnh	07/03	6.00	07/03	20.00	x	
238	Tách MBA AT4, TD44 (Tách MC 234, 134, 434), tách C29, C19 trạm 500kV Hà Tĩnh	08/03	6.00	08/03	20.00	x	
239	Tách ĐZ 279 T500 Hiệp Hoà - 271 E7.15 (220kV Quang Châu); MC 2 đầu ĐZ; TC C21 E7.15 (220kV Quang Châu)	05/03	22.00	06/03	7.00		x
240	Tách ĐZ 280 T500 Hiệp Hoà - 272 E7.15 (220kV Quang Châu); MC 2 đầu ĐZ	07/03	5.00	07/03	16.00		x
241	Tách ĐZ 176 E28.20 (220kV Phố Cao) - 171 E28.7 (Hưng Yên); MC 176 E28.20	01/03	23.00	02/03	4.00		x
242	Tách ĐZ 175 E28.20 (220kV Phố Cao) - 173 E8.3 (Phố Cao); MC 175 E28.20	02/03	21.00	03/03	3.00		x
243	Tách ĐZ 174 E28.20 (Phố Cao 220kV) - 182 E11.1 (Thái Bình 220kV); 174 E28.20	03/03	3.00	03/03	9.00		x
244	Tách ĐZ 171 E28.20 (220kV Phố Cao) - 172 E11.18 (Hưng Hà 2); MC 171 E28.20	03/03	21.00	04/03	3.00		x
245	Tách MBA AT2; MC 232, 132 E28.20 (220kV Phố Cao)	06/03	21.00	07/03	2.00		x
246	Tách ĐZ 179 E17.6 (220kV Sơn La) - 171 A17.27 (TĐ Háng Đồng); MC 179 E17.6	01/3	7.00	01/3	15.00		x
247	Tách ĐZ 274 E5.9 (220kV Trảng Bách) - 273 E5.8 (220kV Hoàng Bồ), Tách MC 200, 273 E5.8	06/03	6.00	07/03	6.00		x

248	Tách ĐZ ĐZ 273 T500 Việt Trì – 272 E25.10 (220kV Vĩnh Tường); MC 273 T500 Việt Trì, MC 272 E25.10	12/03	5.00	28/03	20.00		x
249	Tách ĐZ 271 T500 Việt Trì – 273 E4.4 Việt Trì; MC 2 đầu ĐZ (đi chung cột 4 mạch cùng phía với ĐZ 273 T500 Việt Trì - 272 E25.10 Vĩnh Tường)	12/03	5.00	14/03	20.00		x
250	Tách ĐZ 271 T500 Việt Trì – 273 E4.4 Việt Trì MC 2 đầu ĐZ (đi chung cột 4 mạch cùng phía với ĐZ 273 T500 Việt Trì - 272 E25.10 Vĩnh Tường)	16/03	5.00	20/03	20.00		x
251	Tách ĐZ 271 T500 Việt Trì – 273 E4.4 Việt Trì; MC 2 đầu ĐZ (đi chung cột 4 mạch cùng phía với ĐZ 273 T500 Việt Trì - 272 E25.10 Vĩnh Tường); (Sáng tách chiều trả)	21/03	5.00	28/03	17.00		x
252	Tách ĐZ 272 T500 Việt Trì – 272 E4.4 (220kV Việt Trì); MC 2 đầu ĐZ (giao chéo với ĐZ 273 T500 Việt Trì – 272 Vĩnh Tường)	22/03	4.00	22/03	22.00		x
253	Tách ĐZ 220kV 285 A80II (NĐ Phả Lại) - 273 E7.6 (220kV Bắc Giang), ngăn lộ 273 E7.6 (220kV Bắc Giang)	09/03	0.00	10/03	16.00		x
254	Tách ĐZ 271 E28.20 (220kV Phố Cao) – 271 E28.10 (220kV Kim Động); MC 2 đầu ĐZ C29 E28.20	09/03	22.00	10/03	4.00		x
255	Tách ĐZ 272 E28.20 (220kV Phố Cao) – 272 E28.10 (220kV Kim Động); MC 2 đầu ĐZ	10/03	4.00	10/03	10.00		x
256	Tách TC C22 E6.20 (220kV Lưu Xá)	10/03	5.00	10/03	15.00		x
257	Tách ĐZ 178 E4.4 (220kV Việt Trì) - 172 E4.11 Trung Hà; Tách MC 178 E4.4	10/03	8.00	10/03	16.00		x
258	Tách ĐZ 273 E28.20 (220kV Phố Cao) – 272 E11.1 (220kV Thái Bình); MC 2 đầu ĐZ	10/03	22.00	11/03	4.00		x
259	Tách ĐZ 274 E28.20 (220kV Phố Cao) – 273 E11.1 (220kV Thái Bình); MC 2 đầu ĐZ	11/03	4.00	11/03	10.00		x
260	Tách MBA AT1 E7.6 (220kV Bắc Giang), ngăn lộ 231, 131, 431, 200, TC C21 E7.6 (220kV Bắc Giang)	11/03	22.00	12/03	7.00		x
261	Tách ĐZ 271 E7.6 (220kV Bắc Giang) - 272 E6.25 (220kV Phú Bình 2); MC 2 đầu TBA	12/03	0.00	22/03	16.00		x
262	Tách ĐZ 272 A14.0 (TĐ Tuyên Quang) - 273 E26.5 (220kV Bắc Kạn); MC 273 E26.5 (220kV Bắc Kạn)	12/03	5.00	12/03	16.00		x
263	Tách ĐZ 274 E5.8 (220kV Hoàng Bồ) - 271 A7.10 (NĐ Sơn Động), MC 200, 274 E5.8	12/03	7.00	13/03	7.00		x

264	Tách MBA AT2 E7.6 (220kV Bắc Giang), ngăn lộ 232, 132, 432, 200, TC C22 E7.6 (220kV Bắc Giang)	12/03	22.00	13/03	7.00		x
265	Tách ĐZ 274 E16.2 (220kV Cao Bằng) - 274 E26.5 (220kV Bắc Kạn); MC 2 đầu ĐZ	13/03	5.00	13/03	16.00		x
266	Tách ĐZ 274 E14.6 (220kV Tuyên Quang) - 274 E6.16 (220kV Phú Bình); MC 2 đầu ĐZ	13/03	22.00	14/03	8.00		x
267	Tách ĐZ 274 E4.4 Việt Trì – 271 E4.15 Phú Thọ; Tách MC 274 E4.4 và 271 E4.15	13/03	22.00	16/03	7.00		x
268	Tách ĐZ 175 E29.5 (220kV Than Uyên) -172 A20.55 NMTĐ Nậm Xây Nội 2; MC 175. Tách lần lượt TC C11, C12 E29.5 (220kV Than Uyên)	15/03	6.00	15/03	18.00		x
269	Tách ĐZ 174 E29.5 (220kV Than Uyên) - 172 A20.16 (NMTĐ Nậm Khòa 3); MC 174. Tách lần lượt TC C11, C12 E29.5 (220kV Than Uyên)	15/03	6.00	15/03	18.00		x
270	Tách ĐZ 172 E28.1 (220kV Phở Nổi) - 171 E28.22 (Dị Sứ); MC 172 E28.1	15/03	7.00	15/03	16.00		x
271	Tách MBA T3, 133, 433, 333 E25.10 (220kV Vĩnh Tường)	16/03	7.00	16/03	12.00		x
272	Tách MBA T4, 134, 434, 334 E25.10 (220kV Vĩnh Tường)	16/03	13.00	16/03	17.00		x
273	Tách ĐZ 174 E4.4 (220kV Việt Trì) - 171 E4.17 (Thụy Vân)	17/03	8.00	17/03	16.00		x
274	Tách MBA AT1, ngăn lộ 231, 131, 431 E13.10 (220kV Lạng Sơn)	18/03	5.00	19/03	17.00		x
275	Tách ngăn lộ 272 E7.6 (220kV Bắc Giang) Kết hợp lịch tách ĐZ 272 E7.6 (220kV Bắc Giang) - 272 E6.25 (220kV Phú Bình 2) của NPTPMB	20/03	0.00	22/03	16.00		x
276	Tách ĐZ 276 E12.3 (220kV Yên Bái) - 272 E14.6 (220kV Tuyên Quang); MC 2 đầu ĐZ	20/03	0.00	20/03	22.00		x
277	Tách ĐZ 271 E4.4 Việt Trì – 272, 273 E4.20 Phú Thọ 2; Tách MC 271 E4.4 và 272, 273 E4.20	20/03	22.00	23/03	7.00		x
278	Tách MBA AT1, ngăn lộ 231, 131, 431 E13.10 (220kV Lạng Sơn)	18/03	5.00	19/03	17.00		x
279	Tách ĐZ 271 E12.3 (220kV Yên Bái) - 273 E20.3 (220kV Lào Cai); MC 271 E12.3, MC 273 E20.3 (Sáng tách chiều trả)	17/03	5.00	19/03	17.00		x
280	Tách ĐZ 272 E28.10 (220kV Kim Động) - 272 E28.20 (220kV Phở Cao); MC 2 đầu ĐZ	19/03	22.00	20/03	5.00		x
281	Tách ĐZ 171 E25.2 (220kV Vĩnh Yên) - 172 E25.1 (Phúc Yên); MC 171	20/03	19.00	23/03	5.00		x

	E25.2						
282	Tách ĐZ 177 E28.20 (220kV Phố Cao) - 172 E28.2 (Kim Động); MC 177; TC C19 E28.20	20/03	21.00	21/03	2.00		x
283	Tách ĐZ 178 E28.20 (220kV Phố Cao) - 171 E8.3 (Phố Cao); MC 178; TC C19 E28.20	21/03	2.00	21/03	8.00		x
284	Tách ĐZ 173 E8.9 (220kV Hải Dương) - 173 E8.35 (220kV Gia Lộc); MC 173 E8.9	16/03	5.00	16/03	10.00		x
285	Tách MBA AT2, MC 232, 132, 432 E5.30 (220kV KCN Hải Hà)	16/03	7.00	20/03	20.00		x
286	Tách MBA AT1; MC 231, 131, 431 E2.9 (220kV Vật Cách).	17/03	1.00	24/03	6.00		x
287	Tách MBA AT1, ngăn 231, 131, 431 và Tách ngăn lộ 200 E4.4 (220kV Việt Trì)	17/03	5.00	20/03	3.00		x
288	Tách ĐZ 271 E8.35 (220kV Gia Lộc) - 285 E8.30 (220kV NĐ Hải Dương).	17/03	9.00	17/03	16.00		x
289	Tách MBA AT1, 231, 131, 431 E20.3 (220kV Lào Cai)	17/03	22.00	18/03	7.00		x
290	Tách MBA AT1, 231, 131, 431 E20.3 (220kV Lào Cai)	17/03	22.00	18/03	7.00		x
291	Tách ĐZ 274 T500 Phố Nối – 273, 274 E8.9 (220kV Hải Dương); MC 274 T500 Phố Nối;	17/03	22.00	18/03	17.00		x
292	Tách ĐZ 220kV 276 Sóc Sơn (E1.19) - 273 Vân Trì (E1.23); ngăn lộ 276 E1.19 (220kV Sóc Sơn)	18/03	6.00	18/03	16.00		x
293	Tách MBA AT4, MC 234, 134, 434 T500 Quảng Ninh, TC C11 T500 Quảng Ninh	18/03	8.00	18/03	16.00		x
294	Tách ĐZ 272 Quảng Ninh – 271 E5.8 (220kV Hoàng Bồ), MC 200, 271 E5.8	19/03	7.00	20/03	7.00		x
295	Tách ĐZ 174 E17.6 (220kV Sơn La) - 172 E17.2 (Sơn La); MC 174 E17.6 (220kV Sơn La)	20/03	5.00	20/03	16.00		x
296	Tách ĐZ 174 E16.2 (220kV Cao Bằng) - 171 E16.1 (110kV Cao Bằng); MC 174 E16.2	20/03	5.00	20/03	16.00		x
297	Tách ĐZ 276 E5.9 (220kV Tràng Bạch) – 274 E2.9 (220kV Vật Cách)	20/03	7.00	20/03	20.00		x
298	Tách ĐZ 274E14.6 (220kV Tuyên Quang) - 274E6.16 (220kV Phú Bình); ngăn lộ 2 đầu TBA	20/03	22.00	21/03	8.00		x
299	Tách ĐZ 176 E17.6 (220kV Sơn La) - 173 E17.2 (Sơn La); MC 176 E17.6	21/03	5.00	21/03	16.00		x
300	Tách MBA AT3; MC 233, 133, 433 E2.40 (220kV Dương Kinh).	21/03	5.00	21/03	19.00		x

301	Tách ĐZ 271 (273) A22.33 (TĐ Bắc Mê)- 274 E6.2 (220kV Thái Nguyên); MC 274 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	21/03	5.00	21/03	15.00		x
302	Tách ĐZ 171 T500 Lai Châu - 171 A29.46 (TĐ Nậm Pì); MC 171 T500 Lai Châu	21/03	6.00	21/03	12.00		x
303	Tách ĐZ 172 T500 Lai Châu - 171 A29.16 (TĐ Nậm Na 3); MC 172 T500LC	21/03	13.00	21/03	19.00		x
304	Tách ĐZ 172 E4.4 (220kV Việt Trì) – 172 E25.17 (Sông Lô); MC 172, 100 E4.4 (220kV Việt Trì)	21/03	22.00	22/03	5.00		x
305	Tách MBA AT2, 232, 132, 432 E25.2 (220kV Vĩnh Yên)	21/03	22.00	22/03	12.00		x
306	Tách ĐZ 176 E29.5 (220kV Than Uyên) - 171 E29.2 Than Uyên; MC 176 E29.5	22/03	0.00	22/03	22.00		x
307	Tách ĐZ 173 E29.5 (220kV Than Uyên) - 173 A29.11 Hua Chăng; MC 173E29.5	22/03	0.00	22/03	22.00		x
308	Tách ĐZ 175 E29.5 (220kV Than Uyên) -172 A20.55 NMTĐ Nậm Xây Nội 2; MC 175 E29.5	22/03	0.00	22/03	22.00		x
309	Tách ĐZ 174 E29.5 (220kV Than Uyên) - 172 A20.16 (NMTĐ Nậm Khóa 3); MC 174 E29.5	22/03	0.00	22/03	22.00		x
310	Tách ĐZ 273 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 271 E6.25 (220kV Phú Bình 2)	22/03	0.00	22/03	1.00		x
311	Tách ĐZ 272 E26.5 (220kV Bắc Kạn) – 275 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	22/03	0.00	22/03	1.00		x
312	Tách ĐZ 174 E16.5 (220kV Bảo Lâm) - 171 A16.17 (TĐ.Bảo Lạc B)	22/03	5.00	22/03	15.00		x
313	Tách ĐZ 220kV 272 E26.5 (220kV Bắc Kạn) - 275 E6.2 (220kV Thái Nguyên); ngăn lộ 2 đầu TBA.	22/03	5.00	22/03	15.00		x
314	Tách MBA AT3; MC 233; 133; 433 T500 Lai Châu	22/03	6.00	22/03	16.00		x
315	Tách ĐZ 172 E28.1 (220kV Phố Nối) - 171 E28.22 (Dị Sử); MC 172 E28.1	22/03	7.00	22/03	16.00		x
316	Tách MBA T3, MC 133, MC 433 E1.19 (220kV Sóc Sơn)	22/03	8.00	22/03	18.00		x
317	Tách ĐZ 173 E12.3 (220kV Yên Bái) - 172 E12.23 Bảo Hưng; MC 173 E12.3	22/03	9.00	22/03	13.00		x
318	Tách ĐZ 171 E.4.4 (220kV Việt Trì) – 171 E4.18 (Việt Trì 2) và ngăn lộ 171, 100 E4.4 (220kV Việt Trì)	22/03	22.00	23/03	5.00		x
319	Tách MBA AT4; MC 234; 134 T500 Lai Châu	22/03	22.00	23/03	8.00		x

320	Tách ĐZ 173 E12.3 (220kV Yên Bái) - 172 E12.23 Bảo Hưng; MC 173 E12.3	23/03	9.00	23/03	13.00		x
321	Tách ĐZ 177 E.4.4 (220kV Việt Trì) – 171 E4.6 (Bắc Việt Trì) và ngăn lộ 177, 100 E4.4 (220kV Việt Trì)	23/03	22.00	24/03	5.00		x
322	Tách ĐZ 220kV 274 E12.3 (220kV Yên Bái) - 272 E4.15 (220kV Phú Thọ). Sàng tách chiều trả	24/03	5.00	25/03	17.00		x
323	Tách ĐZ 280 A100 (TĐ Hoà Bình) - 271 E1.35 (220kV Sơn Tây); MC 271 E1.35	24/03	5.00	24/03	16.00		x
324	Tách ĐZ 178 E4.4 (220kV Việt Trì) – 172 E4.11 (Trung Hà) và ngăn lộ 178, 100 E4.4 (220kV Việt Trì)	24/03	22.00	25/03	5.00		x
325	Tách ĐZ 272 E1.35 (220kV Sơn Tây) - 271 E25.10 (220kV Vĩnh Tường); MC 2 đầu ĐZ	25/03	5.00	25/03	16.00		x
326	Tách ĐZ 174 E4.4 (TBA 220kV Việt Trì) – 171 E4.17 (TBA 110kV Thủy Vân) và ngăn lộ 174, 100 E4.4 (220kV Việt Trì)	25/03	22.00	26/03	5.00		x
327	Tách ĐZ 180 E4.4 (220kV Việt Trì) - 171 E4.2 Lâm Thao -172 A4.2 Bãi Bằng và ngăn 180, 100 E4.4 (220kV Việt Trì)	26/03	22.00	27/03	5.00		x
328	Tách ĐZ 276 E2.9 (220kV Vật Cách) - 272 E2.35 (220kV Thủy Nguyên); MC 276 E2.9, 272 E2.35	28/03	6.00	30/03	6.00		x
329	Tách ĐZ 271 T500 Lai Châu – 271 E29.20 (220kV Mường Tè); MC 2 đầu ĐZ	29/03	6.00	29/03	19.00		x
330	Tách ĐZ 173 E12.3 (220kV Yên Bái) - 172 E12.23 Bảo Hưng; MC 173 E12.3	23/03	5.00	23/03	23.00		x
331	Tách MBA AT1; MC 231, 131 E28.10 (220kV Kim Động).	23/03	5.00	23/03	17.00		x
332	Tách MBA AT2; MC 232, 132, 432 E28.10 (220kV Kim Động).	24/03	5.00	24/03	17.00		x
333	Tách MBA AT1, ngăn lộ 231, 131, 431 E6.16 (220kV Phú Bình)	25/03	5.00	25/03	17.00		x
334	Tách MBA AT3; MC 233, 133, 433 E2.40 (220kV Dương Kinh).	26/03	5.00	26/03	16.00		x
335	Tách MBA T3, ngăn lộ 133 E22.4 (220kV Hà Giang)	26/03	7.00	26/03	17.00		x
336	Tách ĐZ 273 Quảng Ninh – 272 E5.8 (220kV Hoành Bồ), MC 200, 272 E5.8	26/03	7.00	27/03	7.00		x
337	Tách MBA AT2, ngăn lộ 232, 132, 432 E6.16 (220kV Phú Bình)	27/03	5.00	27/03	17.00		x
338	Tách ĐZ 272 E2.1 (220kV Đồng Hòa) - 272 E2.9 (220kV Vật Cách); Tách MC 2 đầu Đ/d.	27/03	5.00	27/03	18.00		x

339	Tách MBA AT1 E28.15 (220kV Yên Mỹ).	27/03	5.00	27/03	12.00		x
340	Tách MBA T5, ngăn lộ 135 E22.4 (220kV Hà Giang)	27/03	7.00	27/03	17.00		x
341	Tách ĐZ 171 E25.2 (220kV Vĩnh Yên) - 172 E25.1 (Phúc Yên); MC 171 E25.2	27/03	19.00	30/03	5.00		x
342	Tách MBA AT2, ngăn lộ 232, 132 E22.4 (220kV Hà Giang)	28/03	6.00	28/03	17.00		x
343	Tách ĐZ 173 T500 Lai Châu - 172, 174 A21.11 (TĐ Trung Thu); MC 173 T500LC	28/03	6.00	28/03	17.00		x
344	Tách MBA AT1, ngăn lộ 231, 131, 431 E22.4 (220kV Hà Giang)	29/03	0.00	29/03	23.00		x
345	Tách ĐZ 172 E29.5-173 A29.36 NMTĐ Phiêng Lú, MC 172 E29.5. Tách lần lượt TC C11, C12.	29/03	0.00	29/03	22.00		x
346	Tách ĐZ 173 E29.5-173 A29.11 NMTĐ Hua chăng, MC 173 E29.5; tách lần lượt TC C11, C12 E29.5	29/03	0.00	29/03	22.00		x
347	Tách MBA AT1, TC C21, MC 271, 273, 131, 431. Tách lần lượt TC C11, C12 E29.5 (220kV Than Uyên)	29/03	0.00	29/03	22.00		x
348	Tách MBA AT1, MC 271, 273, 131, TC C21 và C19 E17.50 (220kV Mường La).	29/03	6.00	29/03	18.00		x
349	Tách đz 174 T500 Lai Châu - 171 A21.10 (TĐ Nậm He); MC 174 T500LC	29/03	6.00	29/03	17.00		x
350	Tách ĐZ 274 E14.6 (220kV Tuyên Quang) - 274 E6.16 (220kV Phú Bình); MC 2 đầu ĐZ	30/03	5.00	30/03	14.00		x
351	Tách ĐZ 171 E7.20 (220kV Sơn Động) - 173 E7.27 (Sơn Động); MC 171 E7.20 (220kV Sơn Động)	30/03	7.00	30/03	17.00		x
352	Tách ĐZ 271 E7.6 (220kV Bắc Giang) - 271 E13.10 (220kV Lạng Sơn); MC 2 đầu ĐZ	31/03	6.00	31/03	12.00		x
353	Tách MBA T4, 134, SVC E4.4 (220kV Việt Trì)	31/03	8.00	31/03	12.00		x
354	Tách ĐZ 274 E7.6 (220kV Bắc Giang) - 272 E13.10 (220kV Lạng Sơn); MC 2 đầu ĐZ	31/03	12.00	31/03	23.00		x
355	Tách MC 271 E7.20 (220kV Sơn Động) (mở vòng)	31/03	13.00	31/03	17.00		x
356	Tách ĐZ 177 E4.15 (220kV Phú Thọ) - 171 E4.23 Hạ Hòa, MC 177, MC 100 E4.15	31/03	06h00	31/03	13h00		x
357	Tách ĐZ 174 E27.6 (220kV Bắc Ninh) - 171 E27.5 (T110 Quế Võ), MC 174 E27.6 (220kV Bắc Ninh)	07/03	22.00	09/03	5.00		x

358	Tách ĐZ 272 E11.1 (Thái Bình) - 273 E28.20 (Phố Cao); MC272, MC200, TC C29 E11.1. Tách bảo vệ so lệch thanh cái 220kV E11.1	06/03	6.00	07/03	6.00		x
359	Tách MBA AT1, MC 231, 131, 431 E9.2 (220kV Ba Chè)	27/02	7.00	27/02	15.00		x
360	Tách ĐZ 273 T500 Nho Quan - 272 E23.1 (220kV Ninh Bình) (đang cắt)	01/03	8.00	01/03	12.00		x
361	Tách ĐZ 274 T500 Nho Quan - 271 E23.1 (220kV Ninh Bình) (đang cắt)	01/03	12.00	01/03	16.00		x
362	Tách ĐZ 174 E9.50 (220kV Nông Cống) -171E9.19 (110kV Cổ Định); MC 174, C19E9.50 (220kV Nông Cống)	02/03	6.00	02/03	17.00		x
363	Tách DZ 173 E9.50 (220kV Nông Cống) -172E9.17 (110kV Triệu Sơn); tách MC 173, C19 E9.50 (220kV Nông Cống)	03/03	6.00	03/03	17.00		x
364	Tách ĐZ 176 E9.50 (220kV Nông Cống) -172E9.8 (110kV Nông Cống); MC 176, C19 E9.50 (220kV Nông Cống)	04/03	6.00	04/03	17.00		x
365	Tách MBA AT5, MC 235, 135 E1.4 (220kV Hà Đông)	04/3	8.00	04/3	17.00		x
366	Tách MBA T3, MC 133, 333, 433 E1.6 (220kV Chèm)	04/03	8.00	15/03	20.00		x
367	Tách ĐZ 171 E9.50 (220kV Nông Cống) - 172E9.41 9110kV Bãi Trành); MC 171, C19 E9.50 (220kV Nông Cống)	05/03	6.00	05/03	17.00		x
368	Tách ĐZ 172 E9.50 (220kV Nông Cống) - 171E9.52 (110kV Như Thanh); MC 172, C19 E9.50 (220kV Nông Cống)	06/03	6.00	06/03	17.00		x
369	Tách ĐZ 273 E15.40 (220kV Tương Dương) - 274 TĐ Nậm Mô 2 (Lào), ĐZ 274 E15.40 (220kV Tương Dương) - 273 TĐ Nậm Mô 2 (Lào)	06/03	6.00	07/03	17.00		x
370	Tách MBA AT2, MC 232, 132, 432, C19 E9.50 (220kV Nông Cống)	07/03	6.00	07/03	18.00		x
371	Tách ĐZ 275 T500 Thường Tín - 274 E1.4 220kV Hà Đông và ĐZ 276 T500 Thường Tín - 275 E1.4 220kV Hà Đông, MC 274, 275 E1.4 (220kV Hà Đông), 275, 276 T500 TT	9/3	7.00	11/3	24.00		x
372	Tách ngăn lộ 131, MBA AT1 E15.50 (220kV Nam Cấm)	09/03	8.00	09/03	9.00		x
373	Tách TC C21, MC 271 E9.50 (220kV Nông Cống), ĐZ 271 E9.50 (220kV Nông Cống) - 271E9.10 (220kV Nghi Sơn)	10/03	6.00	10/03	15.00		x

374	Tách TC C22, MC 272 E9.50 (220kV Nông Cống), ĐZ 272 E9.50 (220kV Nông Cống) - 272 E9.10 (220kV Nghi Sơn)	11/03	6.00	11/03	15.00		x
375	Tách ĐZ 271 E15.40 (220kV Tương Dương) - 275 E15.10 (220kV Đô Lương) và MC 271, 200, C29 E15.40 (220kV Tương Dương), MC 275 E15.10 (220kV Đô Lương)	11/03	7.00	11/03	20.00		x
376	Tách ĐZ 180 E9.2 (220kV Ba Chè) - 172E9.58 (110kV Thiệu Hóa), MC 180 E9.2 (220kV Ba Chè)	11/03	7.00	11/03	14.00		x
377	Tách ĐZ 176 E23.1 (220kV Ninh Bình) - 172 E24.8 (Thanh Nghị), MC 176, C19 E23.1 (220kV Ninh Bình)	11/03	7.30	11/03	16.30		x
378	Tách ĐZ 272 E15.40 (220kV Tương Dương) - 276 E15.10 (220kV Đô Lương) và MC 272, 200, C29 E15.40 (220kV Tương Dương), MC 276 E15.10 (220kV Đô Lương)	12/03	7.00	12/03	20.00		x
379	Tách ĐZ 271 T500THO (500kV Thanh Hóa) -276E9.2 (220kVBa Chè), MC 271 T500THO (500kV Thanh Hóa), 276 E9.2 (220kVBa Chè)	13/03	7.00	13/03	16.00		x
380	Tách MBA AT1, MC 231, 131E9.50 (220kV Nông Cống)	14/03	7.00	14/03	16.00		x
381	Tách ĐZ 177 E23.1 (220kV Ninh Bình) - 172 T500NQ; MC 177, 100, C19 E23.1 (220kV Ninh Bình); MC 172 T500NQ	14/03	20.00	15/03	6.00		x
382	Tách ĐZ 176E9.20 (220kV Bim Sơn) - 174 A37 (NĐ Ninh Bình), MC 176 E9.20 (220kV Bim Sơn)	15/03	7.00	15/03	15.00		x
383	Tách ĐZ 271E9.2 (220kV Ba Chè) - 271, 274 A15.41 (TĐ Đồng Văn); MC 271 E9.2 (220kV Ba Chè)	21/03	0.00	21/03	24.00		x
384	Tách MBA AT2, MC 232 E11.15 (220kV Thái Thụy)	16/03	0.00	16/03	8.00		x
385	Tách TC C11, MBA AT1, 231, 131, 431 E9.20 (220kV Bim Sơn)	16/03	7.00	16/03	17.00		x
386	Tách MBA AT4; MC 234, MC 134 Trạm 500kV Nho Quan	17/03	22.00	18/03	16.00		x
387	Tách ĐZ 277 T500 Thường Tín - 272 E24.4 (220kV Phú Lý); MC277 (T500TT).	18/3	8.00	19/3	23.00		x
388	Tách MBA AT3; MC 233; MC 133, MC 933 trạm 500kV Nho Quan	18/03	22.00	19/03	16.00		x
389	Tách ĐZ 276 E11.1 (Thái Bình) - 274 E11.20 (Vũ Thư); MC276, MC200, TC C29 E11.1 (220kV Thái Bình)	19/03	6.00	20/03	6.00		x

390	Tách ĐZ 178E9.20 (220kV Bim Sơn) - 171E9.49 (110kV Thạch Thành), MC 178 E9.20 (220kV Bim Sơn)	19/03	7.00	19/03	13.00		x
391	Tách ĐZ 179 E9.20 (220kV Bim Sơn) - 171 E9.38 (110kV Cẩm Thủy), MC 179 E9.20 (220kV Bim Sơn)	19/03	13.00	19/03	17.00		x
392	Tách MBA AT1, MC231, 131, 100 E15.40 (220kV Tương Dương).	20/03	7.00	20/03	15.00		x
393	Tách MBA AT4, MC 234, 134 T500 Đông Anh (Trạm biến áp 500kV Đông Anh)	20/03	7.30	20/03	18.00		x
394	Tách ĐZ 273 E23.1 (220kV Ninh Bình) - 271 E3.20 (220kV Trục Ninh), MC 273 E23.1 (220kV Ninh Bình), 271 E3.20 (220kV Trục Ninh)	20/03	20.00	21/03	20.00		x
395	Tách MBA AT5, E1.11 (220kV Thanh Công)	20/03	20.00	23/03	8.00		x
396	Tách ĐZ 220kV 271E9.2 (220kV Ba Chè) - 271 NMTĐ Đồng Văn (sáng cắt, chiều trả), MC 271 E9.2 (220kV Ba Chè)	21/03	4.00	22/03	16.00		x
397	Tách ĐZ 220kV 272 E9.20 (220kV Bim Sơn) - 271, 273 NMTĐ Hủa Na (sáng cắt, chiều trả), MC 272 E9.20 (220kV Bim Sơn)	21/03	4.00	22/03	16.00		x
398	Tách MBA AT4, MC234, 134 E15.1 (Hưng Đông)	21/03	6.00	21/03	13.00		x
399	Tách ĐZ 172E15.40 - 171 NMTĐ Khe Thơi, MC172, 100 E15.40 (220kV Tương Dương)	21/03	7.00	21/03	15.00		x
400	Tách ĐZ 271, 272 E3.7 (220kV Nam Định) - 272 E3.20 (220kV Trục Ninh), MC 271, 272 E3.7 (220kV Nam Định), 272 E3.20 (220kV Trục Ninh)	21/03	22.00	22/03	20.00		x
401	Tách ĐZ 174 E27.6 (T220 Bắc Ninh) - 171 E27.5 (T110 Quế Võ), MC174 E27.6 (220kV Bắc Ninh)	21/03	22.00	23/03	5.00		x
402	Tách MBA AT2, MC232, 132 E27.10 (220kV Bắc Ninh 2)	21/03	22.00	22/03	8.00		x
403	Tách ĐZ 220kV 272, 274A15.41 (TĐ Đồng Văn) - 272,274A9.25 (TĐ Hủa Na)	22/03	4.00	22/03	16.00		x
404	Tách ĐZ 171E15.40 - 173 NMTĐ XoongCon, MC171, 100 E15.40 (220kV Tương Dương)	22/03	7.00	22/03	15.00		x
405	Tách ĐZ 176E9.20 (220kV Bim Sơn) - 174A37 (NĐ Ninh Bình), MC 176 E9.20 (220kV Bim Sơn)	22/03	7.00	22/03	15.00		x
406	Tách MBA AT1, MC 271, 273, 131, 431, C21 E27.6 (220kV Bắc Ninh)	27/03	23.00	29/03	23.00		x

407	Tách MBA AT3, MC 233, MC 133 E1.4 (220kV Hà Đông)	29/03	7.00	29/03	21.00		x
408	Tách ĐZ 272 T500 Thanh Hóa - 273 E9.2 (220kV Ba Chè), MC 273, C29 E9.2 (220kV Ba Chè)	22/03	23.00	23/03	6.00		x
409	Tách ĐZ 220kV Vũng Áng - Hà Tĩnh 2 (272A18.10VA-278T500HT)	23/03	6.00	23/03	18.00		x
410	Tách ĐZ 176 E9.20 (220kV Bim Sơn) - 174A37 (NĐ Ninh Bình), MC 176 E9.20 (220kV Bim Sơn)	22/03	8.00	22/03	14.00		x
411	Tách ĐZ 220kV Vũng Áng-Hà Tĩnh 1(271A18.10VA-271T500HT)	24/03	6.00	25/03	18.00		x
412	Tách ĐZ 272 E15.10- ĐZ 273 E15.1; MC 272 E15.10 Đô Lương; MC 273 E15.1. Hưng Đông. Tách lần lượt thanh cái C21, C22 E15.1 Hưng Đông. Tách lần lượt C21, C22 E15.10 Đô Lương	24/03	6.00	24/03	18.00		x
413	Tách ĐZ 171 E11.15- 174 E11.2, MC 171, TC C11, MC 112 E11.15 (220kV Thái Thụy)	24/03	7.00	24/03	17.00		x
414	Tách ĐZ 176 E1.23 (220kV Vân tri) - 172 E1.42 (110kV Nội Bài) và MC 176 E1.23 (220kV Vân Trì)	24/03	8.00	24/03	18.00		x
415	Tách ĐZ 273 E15.10- ĐZ 272, 274 A15.20; MC 273 E15.10 Đô Lương; MC 273, 274 A15.20. Tách lần lượt C21, C22 E15.10 Đô Lương	25/03	6.00	25/03	18.00		x
416	Tách ĐZ 171 E11.15- 174 E11.2, MC 171, TC C12 E11.15 (220kV Thái Thụy)	25/03	7.00	25/03	17.00		x
417	Tách MBA AT2, MC 232, 132 E23.1 (220kV Ninh Bình)	25/03	7.30	25/03	17.30		x
418	Tách MBA AT1, MC 231; MC 131; MC431 E1.45 (220kV Long Biên)	25/03	22.00	26/03	10.00		x
419	Tách ĐZ 110kV 177E9.2 (220kV Ba Chè) – 171A9.0 (Thủy điện Cửa Đạt)	26/03	0.00	26/03	24.00		x
420	Tách ĐZ 173 E11.1 (Thái Bình) - 171 E11.4 (Hưng Hà); MC173, MC100, TC C19 E11.1 (220kV Thái Bình)	26/03	6.00	27/03	6.00		x
421	Tách ĐZ 271 T500 Đông Anh - 277 T500 Hiệp Hòa (Thao tác MC 271; DCL 271-1, 271-7)	26/03	6.00	26/03	9.00		x
422	Tách ĐZ 172 E11.15- 172 E11.9, MC 172, TC C11, E11.15 (220kV Thái Thụy)	26/03	7.00	26/03	17.00		x
423	Tách ĐZ 272 T500 Đông Anh - 271 E27.15 (220kV Bắc Ninh 3) (Thao tác MC 272; DCL 272-2, 272-7)	26/03	9.00	26/03	12.00		x

424	Tách ĐZ 273 T500 Đông Anh - 273 E1.45 (220kV Long Biên) (Thao tác MC 273; DCL 273-1, 273-7)	26/03	12.00	26/03	15.00		x
425	Tách ĐZ 274 T500 Đông Anh - 274 E1.45 (220kV Long Biên) (Thao tác MC 274; DCL 274-2, 274-7)	26/03	15.00	26/03	18.00		x
426	Tách MBA AT3 T500 Đông Anh (Thao tác MC 233, 133, 433; DCL 233-1, 233-3, 133-1, 133-3, 433-3)	27/03	6.00	27/03	12.00		x
427	Tách ĐZ 273 E15.50 (220kV Nam Cẩm) - 281 E15.10 (Đô lương); MC 273 E15.50	27/03	6.00	27/03	20.00		x
428	Tách ĐZ 172 E11.15- 172 E11.9, MC 172, TC C12 E11.15 (220kV Thái Thụy)	27/03	7.00	27/03	17.00		x
429	Tách MBA AT3, MC233, 133 và tách lần lượt TC C21, C22 E15.1 (220kV Hưng Đông)	27/03	22.00	28/03	6.00		x
430	Tách MBA T5, MC 135, 435, 335 E1.3 (220kV Mai Động)	28/03	0.00	28/03	16.00		x
431	Tách ĐZ 274 E15.50 (220kV Nam Cẩm) - 280 E15.10 (Đô lương); MC 274 E15.50 (220kV Nam Cẩm), 280 E15.10 (Đô lương)	28/03	6.00	28/03	20.00		x
432	Tách ĐZ 173 E11.15- 171 E11.12, MC 173, TC C11, E11.15 (220kV Thái Thụy)	28/03	7.00	28/03	17.00		x
433	Tách MBA AT4, MC234, 134 E15.1 (220kV Hưng Đông)	28/03	22.00	29/03	6.00		x
434	Tách MBA T4, MC 134, 334, 434 E1.6 220kV Chèm	29/03	0.00	29/03	8.00		x
435	Tách ĐZ 171 E15.50 (220kV Nam Cẩm) - 171 E15.58 (Nghị Lộc); MC 171 E15.50	29/03	6.00	29/03	20.00		x
436	Tách TC C21, MBA AT3, MC233, 133, 433, 212 E27.10 (220kV Bắc Ninh 2)	29/03	22.00	30/03	8.00		x
437	Tách ĐZ 174 E9.2 (220kV Ba Chè) - 180 E9.50 (T220 Nông Cống)	31/03	0.00	31/03	24.00		x
438	Tách ĐZ 177 E9.2 (220kV Ba Chè) - 171 A9.0 (Thủy điện Cửa Đạt)	26/03	0.00	26/03	24.00		x

b. PTC2

***Trạm biến áp:**

STT	ĐỐI TƯỢNG CẮT ĐIỆN	THỜI GIAN				Theo kế hoạch	Không theo kế hoạch
		Bắt đầu		Kết thúc			
		Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
1	MBA AT2 Thanh Mỹ 220	03/03/26	06:04	03/03/26	18:08	x	
2	MBA AT4 Huế 220	03/03/26	07:02	03/03/26	16:40	x	
3	MBA AT2 Lao Bảo220	08/03/26	06:47	08/03/26	15:35	x	
4	MBA AT3 Ngũ Hành	09/03/26	06:43	09/03/26	10:27	x	

	Son220						
5	MBA AT4 Ngũ Hành Sơn 220	10/03/26	07:07	10/03/26	15:44	x	
6	MBA AT1 Sông Tranh 2 220	10/03/26	08:46	11/03/26	17:21	x	
7	MBA AT2 Đà Nẵng 500	16/03/26	06:32	26/03/26	15:24	x	
8	MBA T2 Huế 220	17/03/26	08:14	17/03/26	15:54	x	
9	MBA T1 Huế 220	18/03/26	09:00	18/03/26	16:16	x	
10	MBA AT3 Huế 220	19/03/26	07:30	19/03/26	10:27	x	
11	MBA AT2 Kon Tum 220	18/03/26	08:05	18/03/26	17:23	x	
12	MBA AT1 Kon Tum 220	19/03/26	08:15	19/03/26	16:56	x	
13	MBA T5 Dung Quất 220	21/03/26	08:20	21/03/26	16:08	x	
14	MBA AT4 Dốc Sỏi 500	25/03/26	11:14	01/04/26	10:00	x	
15	MBA T1 Hòa Khánh 220	25/03/26	07:59	28/03/26	17:41	x	
16	MBA AT4 Huế 220	27/03/26	07:36	27/03/26	16:55	x	
17	MBA AT4 Hòa Khánh 220	28/03/26	08:04	28/03/26	14:22	x	
18	MBA AT1 Đà Nẵng	30/03/26	07:42	30/03/26	17:25	x	
19	MBA AT1 Dốc Sỏi 500	31/03/26	07:39	31/03/26	17:32	x	
20	MBA AT1 Phong Điền 220	30/03/26	07:14	30/03/26	20:31	x	
21	MBA AT1 Dung Quất 220	31/03/26	06:43	31/03/26	13:09	x	

*** Đường dây:**

STT	ĐỐI TƯỢNG CẮT ĐIỆN	THỜI GIAN				Theo kế hoạch	Không theo kế hoạch
		Bắt đầu		Kết thúc			
		Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
1	ĐD 220kV 272 Xekaman 3 - 272 Đắk Oóc	01/03/26	07:53	12/03/26	16:46	x	
2	ĐD 220kV 274 Dốc Sỏi - 272 Quảng Ngãi	01/03/26	08:09	01/03/26	16:44	x	
3	ĐD 220kV 273 Đông Hà - 280 Quảng Trị	02/03/26	06:00	03/03/26	00:00	x	
4	ĐD 220kV 272 Đông Hà - 279 Quảng Trị	03/03/26	06:42	03/03/26	18:24	x	
5	ĐD 220kV 274 Huế - 272 Quảng Trị	04/03/26	06:37	04/03/26	17:50	x	
6	ĐD 500kV 571 Dốc Sỏi - 578 Pleiku	04/03/26	07:03	04/03/26	20:47	x	
7	ĐD 500kV 576 Đà Nẵng - 582 Dốc Sỏi	05/03/26	06:38	05/03/26	17:20	x	
8	ĐD 220kV 272 Dốc Sỏi- 272 Dung Quất	06/03/26	06:27	07/03/26	15:41	x	
9	ĐD 500kV 584 Quảng Trị - 574 Đà Nẵng	07/03/26	06:48	07/03/26	18:01	x	
10	ĐD 500kV 572 Quảng Trạch - 575 Vũng Áng	08/03/26	07:54	08/03/26	17:49	x	
11	ĐD 220kV 271 Thanh Mỹ - 274 Đắk Oóc	09/03/26	07:22	09/03/26	16:55	x	
12	ĐD 500kV 574 Quảng Trạch - 574 Dốc Sỏi	10/03/26	07:20	10/03/26	19:58	x	

13	ĐD 220kV 271 Hòa Khánh - 272 Hải Châu	10/03/26	08:08	10/03/26	16:15	x	
14	ĐD 500kV 573 Quảng Trạch - 573 Đốc Sỏi	11/03/26	07:28	11/03/26	17:42	x	
15	ĐD 220kV 277 Đông Hà - 273 Lao Bảo	11/03/26	08:45	11/03/26	17:11	x	
16	ĐD 220kV 272 Thanh Mỹ - 273 Đắk Ooc	12/03/26	06:53	12/03/26	17:40	x	
17	ĐD 220kV 271 Huế - 272 Sông Bồ	12/03/26	07:44	12/03/26	16:14	x	
18	ĐD 220kV 272 Sơn Hà-279 Đốc Sỏi	12/03/26	12:39	12/03/26	16:25	x	
19	ĐD 220kV 271 Đắk Ooc - 271 Xekaman 3	13/03/26	08:08	31/03/26	17:01	x	
20	ĐD 500kV 571 Quảng Trạch - 585 Vũng Áng	16/03/26	08:05	16/03/26	17:31	x	
21	ĐD 220kV 272 Thanh Mỹ 220-273 Thanh Mỹ 500	16/03/26	07:19	16/03/26	16:19	x	
22	ĐD 220kV 273 Duy Xuyên - 274 Ngũ Hành Sơn	16/03/26	08:35	16/03/26	16:52	x	
23	ĐD 500kV 574 Vũng Áng - 573 Quảng Trị	17/03/26	06:39	20/03/26	16:40	x	
24	ĐD 500kV 576 Thanh Mỹ - 582 Monsoon	17/03/26	07:40	26/03/26	14:02	x	
25	ĐD 220kV 271 Thanh Mỹ 220-274 Thanh Mỹ 500	18/03/26	07:22	18/03/26	17:51	x	
26	ĐD 220kV 274 Duy Xuyên - 274 Đà Nẵng	18/03/26	08:04	18/03/26	15:55	x	
27	ĐD 220kV 276 Thanh Mỹ - 274 Hòa Khánh	20/03/26	08:20	20/03/26	16:57	x	
28	ĐD 220kV 271 Hòa Khánh- 272 Hải Châu ĐD 220kV 272 Đà Nẵng-271 Hải Châu	22/03/26	10:04	22/03/26	22:32	x	
29	ĐD 220kV 275 Hòa Khánh-273 Huế	24/03/26	07:47	24/03/26	16:36	x	
30	ĐD 500kV 574 Quảng Trạch - 574 Đốc Sỏi	25/03/26	06:38	25/03/26	18:06	x	
31	ĐD 220kV 276 Hòa Khánh - 272 Huế	26/03/26	07:35	26/03/26	16:24	x	

32	ĐD 500kV 575 Thanh Mỹ - 581 Monsoon	27/03/26	09:07	31/03/26	16:25	x	
33	ĐD 220kV 274 Lao Bảo - 276 Đông Hà	28/03/26	08:29	28/03/26	16:39	x	
34	ĐD 220kV 272 Xekaman 3 - 272 Đăk Ooc	28/03/26	08:37	02/04/26	17:00	x	
35	ĐD 500kV 572 Đà Nẵng - 581 Thanh Mỹ	28/03/26	06:26	29/03/26	17:33	x	
36	ĐD 220kV 271 Đà Nẵng - 271 Ngũ Hành Sơn	31/03/26	08:21	31/03/26	17:06	x	
37	ĐD 500kV 575 Đà Nẵng - 583 Quảng Trị	31/03/26	05:32	17/04/26	17:00	x	

c. PTC3

STT	Đối tượng cắt điện	Thời gian				Theo kế hoạch	Không theo kế hoạch
		Bắt đầu		Kết thúc			
		Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
1	Cô lập Đường dây 220kV 272 Phù Mỹ - 280 Phước An (Đột xuất)	01/03/2026	20h14	01/03/2026	21h25		x
2	Cô lập MC 271 (Dùng MC 200 thay thế MC 271) TBA 500kV Di Linh	01/03/2026	06h17	05/03/2026	6h00	x	
3	Cô lập thanh cái C22, DCL 271-2 TBA 500kV Di Linh	02/03/2026	06h29	02/03/2026	18h57	x	
4	Cô lập MC 172, DCL 172-7, TU 172 trạm 500kV Pleiku.	02/03/2026	16h55	02/03/2026	19h12	x	
5	Cô lập MC 277, TI277, TU 277, TC C29, C22 TBA 500kV Đắk Nông; ĐD 277 Đắk Nông - 271 Đắk Rtih	02/03/2026	06h29	06/03/2026	14h46	x	
6	Cô lập DCL 271-1 TC C21 (dùng MC 200 thay thế) trạm 220kV Quy Nhơn	03/03/2026	15h15	03/03/2026	17h43	x	
7	Cô lập ĐD 500kV 577 Pleiku – 574 Pleiku 3; MC 568, 577 Trạm 500kV Pleiku.	03/03/2026	06h06	03/03/2026	17h40	x	
8	- Cô lập MC 271, 273 TBA 500kV Vân Phong, Cô lập MC 276, 278 TBA 220kV Vân Phong; ĐD 271 T500 Vân Phong - 278 T220 Vân Phong, 273 T500 Vân Phong - 276	03/03/2026	06h35	04/03/2026	17h17	x	

	T220 Vân Phong						
9	Cô lập thanh cái C21; DCL 271-1 TBA 500kV Di Linh	03/03/2026	06h49	03/03/2026	18h04	x	
10	Cô lập KH508, TBD508, MC 578, 568, K508, T508 Trạm 500kV Pleiku.	04/03/2026	07h00	04/03/2026	18h15	x	
11	Cô lập ĐD 220kV 272 Phan Rí - 275 Phan Thiết; Ngăn lộ 272 TBA 220kV Phan Rí 2; Ngăn lộ 275 TBA 220kV Phan Thiết 2.	04/03/2026	18h41	05/03/2026	01h13	x	
12	Cô lập TU280 Trạm 220kV Phước An; ĐD 220kV 280 Phước An - 272 Phù Mỹ	04/03/2026	13h48	04/03/2026	17h32	x	
13	Cô lập Thanh cái C22 trạm 220kV Phước An	04/03/2026	06h30	04/03/2026	12h03	x	
14	Cô lập ĐD 272 Cư Né - 271 Krong Búk.	04/03/2026	16h56	04/03/2026	22h08	x	
15	Cô lập MC 274 272 TBA 500kV Vân Phong - Cô lập MC 275 TBA 220kV Vân Phong Cô lập MC 273 TBA 220kV Vạn Ninh; ĐD 272 T500 Vân Phong - 273 Vạn Ninh, 274 T500 Vân Phong - 275 T220 Vân Phong	05/03/2026	06h38	06/03/2026	16h46	x	
16	Cô lập: MBA 220kV AT1, MC 231, 131, 441 TBA 220kV Ninh Phước	05/03/2026	17h28	06/03/2026	0h06	x	
17	Cô lập ngăn xuất tuyến 175, MC175, TU175 trạm 220kV Krông Ana; Cô lập TC C19 trạm 220kV Krông Ana.	05/03/2026	08h48	05/03/2026	14h08	x	
18	Cô lập đường dây 271 Di Linh - 276 Bảo Lộc; Ngăn lộ 271, DCL 271-7, 271-9, TC C29 TBA 500kV Di Linh (liên tục)	05/03/2026	06h43	06/03/2026	21h00	x	
19	Cô lập ĐD 500kV 572 Pleiku – 575 Nhơn Hòa 1, MC 562, 572 Trạm 500kV Pleiku.	05/03/2026	07h24	05/03/2026	18h09	x	
20	Cô lập ĐD 500kV 573 Pleiku – 574 YaLy; MC 562, 573 Trạm 500kV Pleiku.	06/03/2026	06h14	06/03/2026	17h06	x	
21	Cô lập ngăn lộ 200 TBA 500kV Di Linh. Cô lập thanh cái C22 TBA 500kV Di Linh (14h00 - 19h00)	06/03/2026	12h21	06/03/2026	15h24	x	

22	Cô lập thanh cái C21 TBA 500kV Di Linh (19h00 - 21h00) Đóng điện nghiệm thu thiết bị ngăn 271 TBA 500kV Di Linh (21h00 - 22h00)	06/03/2026	17h08	06/03/2026	18h12	x	
23	Cô lập: MBA 220kV AT2, MC 232, 132, 442 TBA 220kV Ninh Phước.	06/03/2026	17h40	07/03/2026	07h08	x	
24	Cô lập ĐD 500kV 574 Pleiku – 572 YaLy; MC 563, 574 Trạm 500kV Pleiku.	07/03/2026	06h29	07/03/2026	14h30	x	
25	Cô lập MBA T3 (Đột xuất) T220 Quy Nhơn	07/03/2026	21h08	07/03/2026	22h42		x
26	Cô lập ĐD 271 SESAN4 - 271 SESAN4A	07/03/2026	06h29	07/03/2026	13h06	x	
27	Cô lập ngăn xuất tuyến 172, MC172, TU172 trạm 220kV Krông Ana, - Cô lập TC C19 trạm 220kV Krông Ana.	08/03/2026	08h44	08/03/2026	15h24	x	
28	Cô lập MC 200, 272, TC C29 trạm 500kV Pleiku; ĐD 272 Pleiku - 275 Pleiku 2.	08/03/2026	06h32	08/03/2026	15h33	x	
29	Cô lập MC 272 (Dùng MC 200 thay thế MC 272) TBA 500kV Di Linh:	09/03/2026	06h40	14/03/2026	17h38	x	
30	Cô lập ngăn xuất tuyến 173, MC173, TU173 trạm 220kV Krông Ana, - Cô lập TC C19 trạm 220kV Krông Ana	09/03/2026	08h51	09/03/2026	16h16	x	
31	Cô lập MBA AT2, MC 232, 342, TD32 trạm 500kV Đắk Nông	09/03/2026	07h38	24/03/2026	7h00	x	
32	Cô lập MC 277 TBA 220kV Văn Phong. Cô lập MC 274 TBA 220kV Vạn Ninh; ĐD 274/T220 Vạn Ninh - 277/T220 Văn Phong.	09/03/2026	05h50	09/03/2026	15h59	x	
33	Cô lập DCL 272-2, TC C22 trạm 500kV Di Linh	10/03/2026	06h28	10/03/2026	18h19	x	
34	Ngăn MC 274 254 TBA 500kV Vĩnh Tân 272 TBA 220kV Vĩnh Hảo 2. ĐD 220kV 274 Vĩnh Tân - 272 Vĩnh Hảo	10/03/2026	06h00	10/03/2026	16h41	x	
35	Cô lập MC174 trạm 220kV Phù Mỹ	10/03/2026	08h49	11/03/2026	18h00	x	
36	Cô lập KH592, K592 Trạm 500kV Pleiku.	10/03/2026	06h21	10/03/2026	15h49	x	
37	Cô lập MBA AT1, MC 231, 131, 441, TD41 trạm 220kV Phan Rí.	10/03/2026	16h55	11/03/2026	8h00	x	

38	Cô lập MC 561, 571, đường dây 571 Vĩnh Tân - 571 Vĩnh Tân 4	11/03/2026	09h13	11/03/2026	16h04	x	
39	Cô lập thanh cái C21; DCL 272-1 TBA 500kV Di Linh	11/03/2026	06h20	11/03/2026	17h39	x	
40	Cô lập thanh cái C52; các MC 532, 572, 574, 578, 564, 565, K592 Rơ le bảo vệ SLTC C52 Trạm 500kV Pleiku.	11/03/2026	06h54	11/03/2026	14h00	x	
41	Cô lập MBA AT1, MC 563, 531, 231, MC 200, TC C29 Trạm 500kV Pleiku.	12/03/2026	07h13	12/03/2026	17h24	x	
42	Cô lập MC 173, 100, TC C19 trạm 220kV Krông Búk; - Cô lập chức năng F87B, F50BF phía 110kV trạm 220kV Krông Búk - Chuyển khóa phân quyền SCADA T220 Krông Búk về điều khiển tại Trạm.	12/03/2026	08h21	12/03/2026	21h44	x	
43	Cô lập MBA AT2 trạm 220kV Ninh Phước	12/03/2026	18h00	12/03/2026	23h59	x	
44	Cô lập MBA T3 trạm 220kV Quy Nhơn	12/03/2026	21h20	13/03/2026	00h34	x	
45	Cô lập MC200; TC C29; MC 212; lần lượt TC C21, C22 TBA 220kV Đắk Nông 2	13/03/2026	08h05	13/03/2026	16h48	x	
46	Cô lập MBA AT2, MC 571, 532, 232, 200, TC C29 Trạm 500kV Pleiku.	13/03/2026	06h34	13/03/2026	17h14	x	
47	Cô lập ĐD 272 Di Linh - 275 Bảo Lộc; Ngăn lộ 272, DCL 272-7, 272-9, TC C29 TBA 500kV Di Linh (liên tục)	13/03/2026	06h29	14/03/2026	17h38	x	
48	Cô lập TC C19, MC 174, 100; DCL 174-7, 174-9, TU 174 trạm 220kV Tuy Hòa	13/03/2026	14h07	13/03/2026	16h57	x	
49	Cô lập ngăn lộ 200 TBA 500kV Di Linh; Cô lập TC C21 TBA 500kV Di Linh (16h00 - 19h00)	14/03/2026	12h12	14/03/2026	15h02	x	
50	Cô lập MBA AT5, MC 565, 535, 235, 200, TCC29 Trạm 500kV Pleiku.	14/03/2026	06h46	14/03/2026	17h32	x	
51	Cô lập TC C22 TBA 500kV Di Linh (19h00 - 21h00) Đóng điện nghiệm thu thiết bị ngăn 272 TBA 500kV Di Linh (21h00 - 22h00)	14/03/2026	15h02	14/03/2026	17h37	x	

52	Cô lập ĐD 273 Srêpôk 4 - 271 Srêpôk 4A.	14/03/2026	06h28	14/03/2026	11h17	x	
53	Cô lập kháng điện KH503 TBA 500kV Vĩnh Tân	14/03/2026	07h17	14/03/2026	16h45	x	
54	Cô lập thanh cái C51 các MC 575 571 573 577 531 535 Rơ le bảo vệ SLTC C51 Trạm 500kV Pleiku.	16/03/2026	06h44	16/03/2026	17h46	x	
55	Cô lập ĐD 220kV 274 Phan Thiết - 273 Bảo Lộc; Ngăn lộ 274 TBA 220kV Phan Thiết 2; Ngăn lộ 273 TBA 220kV Bảo Lộc	16/03/2026	18h30	17/03/2026	06h00	x	
56	Cô lập kháng điện KH504 TBA 500kV Vĩnh Tân	16/03/2026	07h54	16/03/2026	15h55	x	
57	Cô lập ngăn lộ MBA AT1, MC 231, MC 131, MC 431 và các thiết bị liên quan. TBA 220kV Cam Ranh	16/03/2026	06h46	16/03/2026	16h29	x	
58	Cô lập MBA AT1 các MC 231, 131, 441 và thanh cái C22, C29, C12 TBA 220kV Tháp Chàm	17/03/2026	19h16	18/03/2026	0h04	x	
59	Cô lập đường dây 575/Vân Phong - 573/Thuận Nam	17/03/2026	20h00	17/03/2026	20h25	x	
60	Cô lập MC 176, 100, TC C11 trạm 220kV Chư Sê.	17/03/2026	07h12	17/03/2026	14h36	x	
61	Cô lập MC 177, TC C11 trạm 220kV Chư Sê.	17/03/2026	07h12	17/03/2026	14h36	x	
62	Cô lập ĐD 220kV 272 ĐaMi - 274 Xuân Lộc	17/03/2026	06h48	17/03/2026	16h45	x	
63	Cô lập MC 276 (Dùng MC 200 thay thế MC 276) TBA 500kV Di Linh	17/03/2026	07h06	21/03/2026	16h00	x	
64	Cô lập ĐD 274/Nhị Hà - 275/Ninh Phước	18/03/2026	19h04	18/03/2026	23h36	x	
65	Cô lập TC C22; DCL 276-2 TBA 500kV Di Linh	18/03/2026	6h28	18/03/2026	20h41	x	
66	Cô lập TC C53, MC572, MC573, KH503 tại TBA 500kV Đắk Nông	18/03/2026	08h08	20/03/2026	17h58	x	
67	Cô lập cáp quang đường dây 220kV 274/Bảo Lộc - 274/Định Quán 2 và cô lập kênh truyền F87L, F85 của đường dây 274 /Bảo Lộc - 274/Định Quán 2; ĐD 274 /Bảo Lộc - 274/Định Quán.	18/03/2026	08h07	17/04/2026	22h00	x	
68	Cô lập Ngăn lộ 273 TBA 220kV Phan Thiết 2; Ngăn lộ 275 TBA 220kV Hàm Tân 2; ĐD 273 Phan Thiết - 275 Hàm Tân.	18/03/2026	18h11	19/03/2026	00h37	x	
69	Cô lập MBA T3, MC 133, MC 433.	18/03/2026	06h20	18/03/2026	16h03	x	

70	Cô lập kháng điện KH505 TBA 500kV Vĩnh Tân	18/03/2026	07h24	18/03/2026	17h47	x	
71	Cô lập MC 171, 100, TU 171, TC C19 trạm 220kV Chư Sê.	18/03/2026	06h41	18/03/2026	10h36	x	
72	Cô lập MC 172, 100, TU 172, TC C19 trạm 220kV Chư Sê.	18/03/2026	14h00	18/03/2026	16h51	x	
73	Cô lập MC 279; TU279 trạm 220kV Tháp Chàm; ĐD 274 MTTrungNam - 279 Tháp Chàm.	18/03/2026	18h17	18/03/2026	22h18	x	
74	Cô lập MBA AT2, TD42, MC 432, DCL TD42-2 trạm 220kV Tuy Hòa	19/03/2026	08h04	19/03/2026	12h21	x	
75	Cô lập ĐD 271/Mỹ Sơn.HLV - 274/Tháp Chàm	19/03/2026	18h58	20/03/2026	5h41	x	
76	Cô lập MC 273 TBA 220kV Nha Trang; ĐD 273 KrongBuk - 271 Nha Trang; ĐD 274 Vân Phong - 273 Nha Trang.	19/03/2026	16h54	22/03/2026	20h03	x	
77	Cô lập TC C21; DCL 276- 1 TBA 500kV Di Linh	19/03/2026	06h23	19/03/2026	17h43	x	
78	Cô lập ĐD 271 Hàm Thuận - 271 Đa Mi	19/03/2026	06h48	19/03/2026	15h08	x	
79	Cô lập kháng điện KH506 TBA 500kV Vĩnh Tân	20/03/2026	07h18	20/03/2026	15h48	x	
80	Cô lập MC 175, 100, TU 175, TC C19 trạm 220kV Chư Sê.	20/03/2026	06h56	20/03/2026	10h20	x	
81	Cô lập MC 173 TU173 (21/03/2026 08:00 - 23/03/2026 21:00 (Liên tục)) TC C11 (23/03/2026 07:30 - 23/03/2026 10:00 (Liên tục)) TC C12 (23/03/2026 10:00 - 23/03/2026 16:00 (Liên tục)) trạm 220kV Bảo Lộc.	21/03/2026	08h11	23/03/2026	16h06	x	
82	Cô lập MC 571, MC572, MC K503, TBD503 trạm 500kV Di Linh; ĐD 573/Di Linh - 574/Tân Định	21/03/2026	00h08	22/03/2026	16h22	x	
83	Cô lập Cô lập MBA AT2; các MC 271, 274, 132, TC C11 TBA 220kV Chư Sê.	21/03/2026	16h20	21/03/2026	21h30	x	
84	Cô lập ĐD 276 Di Linh - 272 Đức Trọng 2; Ngăn lộ 276, DCL 276-7, TC C29 TBA 500kV Di Linh	21/03/2026	19h34	22/03/2026	05h07	x	
85	Cô lập MC 200 Trạm 220kV KrongBuk	21/03/2026	06h32	21/03/2026	16h00	x	

86	Cô lập MC276 DCL 276-9 thanh cái C29 Trạm 500kV Di Linh; ĐD 220kV 276 Di Linh - 272 Đức Trọng	22/03/2026	18h02	23/03/2026	05h00	x	
87	Cô lập MBA AT1; các MC 273, 272, 131, 931 TBA 220kV Chư Sê.	22/03/2026	16h02	22/03/2026	22h00	x	
88	ĐD 500kV 573 Vĩnh Tân - 573 Sông Mây; MC 573, 563, DCL 573-7 Trạm 500kV Vĩnh Tân	22/03/2026	06h32	22/03/2026	17h48	x	
89	Cô lập MC 172, 173, 174, 175, 112, 131 và các thanh cái C11, C12 bảo vệ SLTC 110kV TBA 220kV An Khê.	23/03/2026	06h43	25/03/2026	15h21	x	
90	Cô lập MC 173, 100, TU 173, TC C19 trạm 220kV Chư Sê	23/03/2026	06h59	23/03/2026	09h36	x	
91	Cô lập Ngăn MC 273, 253 TBA 500kV Vĩnh Tân; Ngăn MC 273 TBA 220kV Phan Rí 2; ĐD 220kV 273 Vĩnh Tân - 273 Phan Rí.	23/03/2026	08h23	23/03/2026	17h42	x	
92	Cô lập máy cắt 200, C29 TBA 220kV Cam Ranh	23/03/2026	12h38	23/03/2026	16h21	x	
93	Cô lập MC 174, 100, TU 174, TC C19 trạm 220kV Chư Sê.	23/03/2026	16h50	23/03/2026	18h57	x	
94	Cô lập Ngăn lộ 271 TBA 220kV Phan Thiết 2; Ngăn lộ 276 TBA 220kV Hàm Tân 2; ĐD 271/Phan Thiết - 276 Hàm Tân.	23/03/2026	18h25	24/03/2026	5h32	x	
95	Cô lập lần lượt TC C21, C22 trạm 500kV Di Linh	23/03/2026	17h40	23/03/2026	23h54	x	
96	Cô lập ĐD 276 Di Linh - 272 Đức Trọng 2; Ngăn lộ 276, 200 TBA 500kV Di Linh	23/03/2026	18h56	23/03/2026	22h59	x	
97	TC C11, TU C11, MC100, TI100, DCL100-1A DCL100-1B trạm 500kV Pleiku.	24/03/2026	06h50	24/03/2026	11h09	x	
98	Cô lập DCL 131-1 Trạm 220kV Ninh Phước	24/03/2026	18h38	24/03/2026	21h15	x	x
99	Cô lập MC 277 TBA 220kV Nha Trang., - Cô lập MC 273 TBA 220kV Cam Ranh; ĐD 277/Nha Trang - 273/CamRanh. (Hàng ngày)	24/03/2026	06h06	25/03/2026	16h13	x	
100	Cô lập TC C29, TU C29 trạm 220kV Krông Búk.	24/03/2026	09h19	24/03/2026	11h05	x	

101	Cô lập máy cắt 174, TU 174. TBA 220kV Cam Ranh	24/03/2026	13h12	24/03/2026	16h33	x	
102	Cô lập TC C12, TU C12, MC100, TH100, DCL100-2 trạm 500kV Pleiku.	24/03/2026	11h32	24/03/2026	16h30	x	
103	Cô lập MC 271 trạm 500kV Pleiku2; ĐD ĐD 271 Pleiku 2 - 275 Sê San 4	24/03/2026	08h20	24/03/2026	14h20	x	
104	Cô lập MC 275, TC C22, C29 trạm 220kV Tháp Chàm; ĐD 275_ThapCham-272_DaNhim.	24/03/2026	19h17	24/03/2026	23h00	x	
105	Cô lập MC 175; TU175; thanh cái C12 TBA 220kV Tháp Chàm.	24/03/2026	23h30	25/03/2026	4h30	x	
106	Cô lập máy cắt 175, TU 175. TBA 220kV Cam Ranh	25/03/2026	06h45	25/03/2026	10h21	x	
107	Cô lập ĐD 271/T500 Đắk Nông - 274/Phước Long	25/03/2026	06h36	25/03/2026	13h52	x	
108	Cô lập MC 232 (Dùng MC 200 thay thế MC 232) TBA 500kV Di Linh	26/03/2026	06h27	30/03/2026	06h00	x	
109	Cô lập MBA AT3; Ngăn lộ 233, 133, 443 TBA 220kV Hàm Tân 2.	26/03/2026	07h02	26/03/2026	17h31	x	
110	Cô lập máy cắt 100, 112, C11, C19 trạm 220kV Cam Ranh.	26/03/2026	08h30	26/03/2026	14h54	x	
111	Cô lập MC 131trạm 220kV Vĩnh Hảo	26/03/2026	19h00	26/03/2026	22h52	x	
112	Cô lập ĐD 273 Bình Long 2 - 272 Đắk Nông 2 và MC 272 T220 Đắk Nông	26/03/2026	06h35	26/03/2026	15h14	x	
113	Cô lập DCL176-7 TBA 220kV Tháp Chàm.	26/03/2026	20h15	26/03/2026	22h32		x
114	Cô lập MBA T4, MC134, MC434 trạm 220kV KrongBuk.	27/03/2026	05h10	27/03/2026	15h04	x	
115	Cô lập TC C22; DCL 232-2 TBA 500kV Di Linh	27/03/2026	06h39	27/03/2026	21h31	x	
116	Cô lập MC 272 trạm 500kV Pleiku2; ĐD 272 Pleiku 2 - 274 Sê San 4.	27/03/2026	08h07	27/03/2026	13h27	x	
117	Cô lập MC 172, TU 172 trạm 220kV Phước An.	28/03/2026	06h40	28/03/2026	16h02	x	
118	Cô lập MC100; TC C19; MC 112; TC C12 TBA 220kV Đắk Nông.	28/03/2026	07h50	28/03/2026	15h06	x	
119	Cô lập TC C21; DCL 232-1 TBA 500kV Di Linh	28/03/2026	06h15	28/03/2026	19h30	x	
120	Cô lập MC 200, 274, TC C29 trạm 500kV Pleiku; ĐD 274 Pleiku - 272 Sê	29/03/2026	06h45	29/03/2026	15h55	x	

	San 3.						
121	Cô lập Bảo vệ SLTC 110kV TBA 220kV Phước An.	29/03/2026	07h13	29/03/2026	13h15	x	
122	Cô lập MC 574, 564, DCL 574-7 trạm 500kV Vĩnh Tân; ĐD 574/Vĩnh Tân - 574/Sông Mây	29/03/2026	06h46	29/03/2026	19h10	x	
123	Dùng MC 200 thay thế MC 231; Cô lập MC 276 thanh cái C21 TBA 220kV Tháp Chàm; ĐD 274_XTThuanBac-276_ThapCham.	29/03/2026	19h34	29/03/2026	22h07	x	
124	Dùng MC 100 thay thế MC 131; Cô lập MC 176; TU176; thanh cái C11 TBA 220kV Tháp Chàm	29/03/2026	23h00	30/03/2026	04h30	x	
125	Cô lập MC 277, DCL 277-7, TU 277 trạm 500kV Pleiku2; ĐD 271__YangTrung-277__Pleiku2 (Hàng ngày)	30/03/2026	16h00	01/04/2026	06h00	x	
126	Cô lập MBA AT1 TBA 500kV Vĩnh Tân	30/03/2026	16h00	31/03/2026	06h00	x	
127	Cô lập MC 585, MC 565 trạm 500kV Vân Phong;	30/03/2026	06h02	31/03/2026	17h00	x	
128	Cô lập MBA AT1; Ngăn MC 441, 131, 231; TC C21 TBA 220kV Vĩnh Hảo 2	30/03/2026	18h00	31/03/2026	5h00	x	
129	Cô lập MBA AT2; MC 232, 572, 573, DCL 232-9, TC C29 TBA 500kV Di Linh.	30/03/2026	06h45	31/03/2026	21h00	x	
130	Cô lập thanh cái C51 các MC 575 571 573 577 531 535 Rơ le bảo vệ SLTC C51 Trạm 500kV Pleiku.	30/03/2026	06h44	30/03/2026	23h00	x	
131	Cô lập TC C21 TBA 500kV Di Linh (16h00 - 19h00). Cô lập TC C22 TBA 500kV Di Linh (19h00 -21h00).	31/03/2026	16h00	31/03/2026	21h00	x	
132	Cô lập ĐD 274 Tuy Hòa - 275 Vạn Ninh	31/03/2026	16h30	01/04/2026	05h00	x	

d. PTC4

Trạm biến áp

STT	Máy biến áp, thiết bị ngừng cấp điện	Thời gian				Nội dung công tác	
		Bắt đầu		Kết thúc		Theo kế hoạch	Không theo KH
		Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		

STT	Máy biến áp, thiết bị ngừng cấp điện		Thời gian				Nội dung công tác	
			Bắt đầu		Kết thúc		Theo kế hoạch	Không theo KH
			Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
I	Trạm biến áp	Thiết bị cô lập						
1	Trạm 500kV Đức Hòa	C21	29/03	15:49	29/03	18:08	x	
2	Trạm 500kV Đức Hòa	C22	29/03	10:58	29/03	14:24	x	
3	Trạm 220kV Giá Rai	212	29/03	09:10	29/03	16:54	x	
4	Trạm 220kV Kiên Bình	176	29/03	08:15	29/03	14:17	x	
5	Trạm 220kV Vĩnh Châu	232	29/03	08:14	29/03	14:32	x	
6	Trạm 220kV Trà Nóc	C12	29/03	07:38	29/03	15:34	x	
7	Trạm 220kV Cần Thơ 2	180	29/03	06:58	29/03	16:50	x	
8	Trạm 500kV Đức Hòa	277	29/03	06:58	29/03	15:48	x	
9	Trạm 220kV Mỹ Tho 2	C11	29/03	06:57	29/03	18:26	x	
10	Trạm 500kV Sông Máy	C11	29/03	06:49	29/03	15:39	x	
11	Trạm 220kV Bến Cát	112	29/03	06:48	29/03	14:52	x	
12	Trạm 220kV Tào Đàn	175	29/03	06:36	29/03	15:42	x	
13	Trạm 220kV Long Thành	172	29/03	06:20	29/03	12:10	x	
14	Trạm 220kV Tào Đàn	K402	29/03	06:00	29/03	15:00	x	
15	Trạm 220 kV Cai Lậy	433	28/03	09:25	28/03	16:26	x	
16	Trạm 220kV Cà Mau	C22	28/03	08:45	28/03	17:30	x	
17	Trạm 220kV Bình Hòa	C12	28/03	08:15	28/03	16:25	x	
18	Trạm 220kV Long Thành	271	28/03	07:46	28/03	10:20	x	
19	Trạm 500kV Duyên Hải	C52	28/03	07:39	28/03	15:56	x	
20	Trạm 220kV Long Thành	C21	27/03	13:34	27/03	14:53	x	
21	Trạm 220kV Bến Lức	C11	27/03	11:04	27/03	11:56	x	
22	Trạm 220kV Bến Lức	177	27/03	10:38	27/03	11:58	x	
23	Trạm 220kV Kiên Bình	C12	27/03	07:25	27/03	13:05	x	
24	Trạm 220kV Bình Hòa	C21	22/03	17:00	23/03	21:54	x	
25	Trạm 220kV Thuận An	177	22/03	07:40	22/03	13:24	x	
26	Trạm 220kV Mỹ Xuân	178	22/03	07:02	22/03	15:24	x	
27	Trạm 220kV Cát Lái	435	21/03	08:15	21/03	14:55	x	
28	Trạm 500kV Tân Định	C54	20/03	23:55	22/03	18:03	x	
29	Trạm 500kV Đức Hòa	200	19/03	11:19	19/03	15:26	x	
30	Trạm 500kV Ô Môn	572	19/03	09:16	19/03	16:10	x	
31	Trạm 220kV Tây Ninh 2	174	19/03	08:12	19/03	11:38	x	
32	Trạm 220kV Long Bình	200	19/03	07:22	21/03	20:00	x	
33	Trạm 220kV Long Bình	C21	19/03	07:22	19/03	09:28	x	
34	Trạm 220kV Nhà Bè	C12	14/03	09:30	14/03	19:26	x	
35	Trạm 220kV Uyên Hưng	277	14/03	06:50	14/03	14:04	x	
36	Trạm 500kV Tân Định	176	14/03	06:28	14/03	11:30	x	
37	Trạm 220kV Long Bình	176	10/03	08:40	10/03	15:12	x	

STT	Máy biến áp, thiết bị ngừng cấp điện		Thời gian				Nội dung công tác	
			Bắt đầu		Kết thúc		Theo kế hoạch	Không theo KH
			Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
38	Trạm 220kV Tây Ninh 2	C12	10/03	08:40	10/03	16:20	x	
39	Trạm 220kV Tây Ninh 2	C22	10/03	07:10	10/03	16:25	x	
40	Trạm 220kV Hóc Môn	175	09/03	08:15	09/03	12:59	x	
41	Trạm 220kV Châu Thành (Hậu Giang)	C22	09/03	07:52	09/03	16:54	x	
42	Trạm 220kV Nhà Bè	C22	08/03	09:34	08/03	16:30	x	
43	Trạm 220kV Đức Hòa	C44	08/03	08:51	08/03	17:00	x	
44	Trạm 500kV Đức Hòa	233	08/03	08:51	08/03	17:00	x	
45	Trạm 500kV Duyên Hải	C51	08/03	08:15	08/03	16:10	x	
46	Trạm 500kV Tân Định	174	08/03	07:43	08/03	17:17	x	
47	Trạm 500kV Phú Lâm	178	08/03	07:43	08/03	17:05	x	
48	Trạm 220kV Kiên Bình	131	08/03	07:20	08/03	16:00	x	
49	Trạm 500kV Sông Mỹ	583	08/03	07:15	08/03	16:49	x	
50	Trạm 220kV Thuận An	132	08/03	06:19	08/03	12:04	x	
51	Trạm 500kV Chợ Thành	C22	03/03	08:45	03/03	16:18	x	
52	Trạm 220kV Vĩnh Long	C22	03/03	08:36	03/03	20:45	x	
53	Trạm 500kV Duyên Hải	271	03/03	08:06	03/03	16:22	x	
54	Trạm 220kV Ô Môn 2	C11	31/03	08:33	31/03	13:19	x	
55	Trạm 220kV Nhà Bè	178	31/03	07:04	03/04	21:00	x	
56	Trạm 220kV Uyên Hưng	C12	31/03	05:48	31/03	17:00	x	
57	Trạm 500kV Đức Hòa	C29	31/03	05:48	31/03	14:50	x	
58	Trạm 220kV Long Thành	179	26/03	20:00	27/03	01:20	x	
59	Trạm 220kV Châu Đốc	132	26/03	06:00	26/03	15:10	x	
60	Trạm 220kV Long Bình	C21	25/03	20:00	25/03	23:30	x	
61	Trạm 220kV Cà Mau	275	25/03	08:00	28/03	23:55	x	
62	Trạm 500kV Long Phú	C52	25/03	06:00	25/03	11:31	x	
63	Trạm 220kV Bình Hòa	434	25/03	06:00	29/03	23:00	x	
64	Trạm 220kV Long Thành	272	25/03	05:00	27/03	23:55	x	
65	Trạm 220kV Châu Đốc	131	25/03	03:00	25/03	19:05	x	
66	Trạm 220kV Tân Thành	MC 212	24/03	09:34	24/03	14:34	x	
67	Trạm 220kV Bình Long	178	24/03	08:32	24/03	16:32	x	
68	Trạm 500kV Long Phú	TC C21	24/03	07:45	24/03	22:45	x	
69	Trạm 220kV Long Bình	180	24/03	07:30	24/03	15:30	x	
70	Trạm 500kV Tân Uyên	AT2	24/03	06:47	24/03	15:47		x
71	Trạm 500kV Long Phú	531	24/03	06:43	24/03	17:43	x	
72	Trạm 220kV Long Bình	271	21/03	20:00	23/03	11:00	x	
73	Trạm 220kV Nhà Bè	C11	21/03	14:30	21/03	18:20	x	
74	Trạm 220kV Hóc Môn	C29	21/03	08:13	21/03	14:40	x	
75	Trạm 500kV Đức Hòa	571	21/03	08:04	21/03	16:10	x	
76	Trạm 220kV Tây Ninh 2	180	21/03	06:00	21/04	18:00	x	

STT	Máy biến áp, thiết bị ngừng cấp điện		Thời gian				Nội dung công tác	
			Bắt đầu		Kết thúc		Theo kế hoạch	Không theo KH
			Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
77	Trạm 220kV Long Thành	C21	20/03	14:40	20/03	17:00	x	
78	Trạm 500kV Đức Hòa	277	20/03	09:30	20/03	15:30	x	
79	Trạm 220kV Thốt Nốt	112	17/03	08:46	17/03	16:31	x	
80	Trạm 220kV Bình Long	176	17/03	08:30	19/03	15:16	x	
81	Trạm 220kV Cát Lái	C21	17/03	08:18	17/03	10:21	x	
82	Trạm 500kV Cầu Bông	532	17/03	08:15	17/03	11:43	x	
83	Trạm 220kV Cát Lái	276	17/03	06:49	18/03	21:30	x	
84	Trạm 220kV Thốt Nốt	942	16/03	09:25	16/03	14:00	x	
85	Trạm 220kV Trà Nóc	C12	16/03	08:40	16/03	17:20	x	
86	Trạm 220kV Bình Hòa	135	16/03	07:50	23/03	23:00	x	
87	Trạm 500kV Cầu Bông	562	16/03	07:40	16/03	15:25	x	
88	Trạm 500kV Sông Hậu	562	12/03	14:46	12/03	16:06	x	
89	Trạm 500kV Sông Hậu	572	12/03	11:00	12/03	14:00	x	
90	Trạm 500kV Sông Hậu	581	12/03	07:35	12/03	10:00	x	
91	Trạm 220kV Kiên Bình	175	12/03	06:58	12/03	13:33	x	
92	Trạm 500kV Sông Hậu	571	11/03	07:12	11/03	17:12	x	
93	Trạm 220kV Châu Thành (Hậu Giang)	C22	10/03	07:29	10/03	16:27	x	
94	Trạm 500kV Phú Lâm	C54	10/03	06:34	10/03	18:04	x	
95	Trạm 500kV Tân Định	C22	10/03	05:40	10/03	17:35	x	
96	Trạm 220kV Sa Đéc	231	07/03	09:40	07/03	15:22	x	
97	Trạm 500kV Phú Lâm	173	07/03	08:27	07/03	14:09	x	
98	Trạm 220kV Bình Hòa	C22	06/03	17:15	07/03	00:02	x	
99	Trạm 220kV Cát Lái	C21	06/03	15:00	06/03	22:00	x	
100	Trạm 220kV Đức Hòa	C12	06/03	08:50	06/03	14:12	x	
101	Trạm 500kV Phú Mỹ	576	06/03	08:31	06/03	16:10	x	
102	Trạm 220kV Trảng Bàng	T101	05/03	17:14	06/03 /2026	04:10	x	
103	Trạm 220kV Bến Cát	276	04/03	08:18	04/03	16:18	x	
104	Trạm 220kV Thủ Đức	C12	01/03	08:59	01/03	17:40	x	
105	Trạm 500kV Cầu Bông	132	01/03	08:47	01/03	18:40	x	
106	Trạm 500kV Cầu Bông	C12	01/03	08:30	01/03	16:58	x	
107	Trạm 220kV Phước Long	C12	01/03	06:11	01/03	16:15	x	
108	Trạm 220kV Thuận An	435	01/03	06:02	01/03	15:01	x	
109	Trạm 220kV Châu Đốc	174	01/03	06:00	01/03	16:26	x	

Đường dây:

II	Đường dây						
1	220kV Mỹ Phước (273) / Uyên Hưng (277)	29/03	05:40	29/03	15:23	x	

2	574 Chơn Thành / 572 Cầu Bông	29/03	04:54	29/03	15:00	x	
3	220kV Vũng Tàu (274) / NMNĐ Bà Rịa (271)	27/03	08:00	27/03	17:00	x	
4	572 Xuân Thiện EASUP / 571 Chơn Thành	26/03	06:00	30/03	18:00	x	
5	500kV Phú Lâm (571, 572) / Mỹ Tho (562, 572)	26/03	06:00	26/03	18:00	x	
6	220kV Cầu Bông (279) / Hóc Môn (276)	22/03	09:19	22/03	16:06	x	
7	220kV Tân Định (279) / Mỹ Phước (274)	22/03	08:16	22/03	17:06	x	
8	500kV Vĩnh Tân (573,563) / Sông Mỹ (573, 563)	22/03	06:36	22/03	17:40	x	
9	220kV Cai Lậy (278) / Vĩnh Long (275)	10/03	07:35	10/03	18:11	x	
10	500kV Duyên Hải (571, 561) / Mỹ Tho (584, 564)	07/03	05:00	08/03	17:00	x	
11	220kV Vĩnh Long (273) / Ô Môn 2 (278, 258)	04/03	06:03	04/03	18:03	x	
12	220kV Vĩnh Long (272) – Trà Vinh (274)	03/03	08:36	03/03	20:45	x	
13	220kV Ô Môn 2 (284,254) / Châu Thành HG (272)	03/03	08:18	03/03	16:29	x	
14	500kV Cầu Bông (585, 565) / Phú Lâm (575, 576)	03/03	06:15	03/03	17:31	x	
15	500kV Vĩnh Tân (574,564) / Sông Mỹ (574, 564)	29/03	07:34	29/03	18:44	x	
16	220kV Đăk Nông (272) / Bình Long (273)	26/03	06:35	26/03	16:00	x	
17	220kV Rạch Giá (272) / Ô Môn 2 (279, 259)	26/03	06:00	04/04	17:00	x	
18	220kV Đăk Nông (271) / Phước Long (274)	25/03	06:00	25/03	15:36	x	
19	575 Nhà Bè / 571 Mỹ Tho	25/03	06:00	25/03	15:33	x	
20	500kV Mỹ Tho (566, 586) / Ô Môn (565, 575)	24/03	07:39	24/03	15:39	x	
21	220kV Tây Ninh (276) / Tân Biên (273)	20/03	07:26	22/03	17:31	x	
22	571 Ô Môn / 583 TTĐL Long Phú	20/03	07:22	20/03	18:29	x	
23	220kV Tây Ninh (275) / Tân Biên (274)	17/03	08:00	19/03	17:17	x	
24	220kV Phú Mỹ (283,258) / Cần Đước (274)	17/03	07:04	09/04	23:00	x	
25	220kV Đa Mi (272) / Xuân Lộc (274)	17/03	06:46	17/03	16:34	x	
26	220kV Long An (271) / Mỹ Tho 500 (277)	16/03	06:53	17/03	16:37	x	
27	220kV Bàu Đồn (271) / Tây Ninh (272)	12/03	08:00	12/03	16:00	x	
28	500kV Phú Mỹ (575, 565) / Nhà Bè (577, 567)	12/03	07:45	12/03	16:43	x	
29	220kV NMĐ Cà Mau (271,251) / Sóc Trăng (272)	11/03	07:31	11/03	17:31	x	

30	220kV Tao Đàn (271) / Tân Cảng (273)	11/03	07:16	11/03	17:16	x	
31	220kV TTĐL Long Phú (282) / Cần Thơ (271)	11/03	07:00	11/03	17:28	x	
32	584 Cầu Bông / 584 Đức Hoà	11/03	06:08	11/03	17:08	x	
33	220kV Cai Lậy (279) / Vĩnh Long (276)	11/03	06:06	11/03	17:00	x	
34	220kV Mỹ Tho 500 (273) / Cai Lậy (276)	11/03	06:00	11/03	18:00	x	
35	220kV Bàu Đồn (272) / Tây Ninh (271)	11/03	06:00	11/03	17:00	x	
36	220kV Duyên Hải (Ngũ Lạc) (274) / Mỏ Cày (271)	07/03	07:47	07/03	16:37	x	
37	573 Chơn Thành / 573 Cầu Bông	07/03	06:55	11/03	18:00	x	
38	572 Tân Định / 575 Cầu Bông	06/03	16:35	08/03	19:16	x	
39	220kV Long An (272) / Mỹ Tho 500 (278)	06/03	06:45	07/03	16:26	x	
40	220kV Vĩnh Long (274) / Sa Đéc (271)	06/03	06:34	06/03	13:00	x	
41	500kV Mỹ Tho (574) / Đức Hòa (574)	02/03	05:40	02/03	16:25	x	
42	500kV Duyên Hải (572, 562) / Mỹ Tho (583, 563)	01/03	06:13	01/03	15:15	x	
43	500kV Duyên Hải (572, 562) / Mỹ Tho (583, 563)	01/03	06:08	02/03	15:30	x	
44	220kV Long Thành (278) / Phú Mỹ (253,284)	01/03	06:00	01/03	18:00	x	

3. Thống kê các thanh cái trong lưới điện truyền tải có điện áp không đạt tiêu chuẩn theo quy định

STT	Tên TBA	Số lần	Tổng số thời gian	Điện áp cao nhất	Điện áp thấp nhất
Lưới 500kV					
Miền Bắc					
1	Trạm 500kV Thanh Hóa	215	215.00	533.0	
2	Trạm 500kV Vũng Áng	4	4.00	526.3	
Miền Nam					
1	Trạm 500kV Chơn Thành	5	5.00	526.3	
2	Trạm 500kV Long Phú	6	6.00	526.6	
3	Trạm 500kV Ô Môn	2	2.00	525.5	
4	Trạm 500kV Phú Lâm	1	1.00	525.1	
5	Trạm 500kV Phú Mỹ	2	2.00	525.9	
Lưới 220kV					
Miền Bắc					
1	Trạm 500kV Lào Cai	1	1.00	243.4	
2	Trạm 220kV Yên Bái	2	2.00	247.0	

4. Độ tin cậy của lưới điện truyền tải

TT	Đơn vị	Sản lượng điện năng không cung cấp được (kWh)		Lũy kế năm 2026 (kWh)	Tăng, giảm so với tháng trước
		Tháng 03/2026	Tháng 02/2025		

1	EVNNPT	12333	0	12333	12333
---	--------	-------	---	-------	-------

5. Tỷ lệ điện dung để truyền tải từng cấp điện áp

Tỷ lệ điện dung để truyền tải tháng 03/2026 theo cấp điện áp và theo từng Công ty Truyền tải điện so với cùng kỳ năm 2025:

Đơn vị	Tháng 3/2025			Tháng 3/2026			So sánh Δ^{26-25}				KH ΔA 2026 (%)	So sánh với KH2026
	A (tỷ kWh)	ΔA (tỷ kWh)	ΔA (%)	A (tỷ kWh)	ΔA (tỷ kWh)	ΔA (%)	A (tỷ kWh)	A (%)	ΔA (tỷ kWh)	ΔA (%)		
TTĐ1	Chung	10,87	0,21	1,90%	11,96	0,23	1,91%	1,09	10,07%	0,022	0,01%	-0,26%
	500kV	4,99	0,08	1,58%	5,96	0,09	1,51%	0,97	19,45%	0,011	-0,07%	-0,28%
	220kV	11,03	0,13	1,16%	11,88	0,14	1,17%	0,85	7,71%	0,011	0,01%	-0,09%
TTĐ2	Chung	2,26	0,06	2,60%	2,83	0,07	2,57%	0,57	25,31%	0,014	-0,03%	-0,10%
	500kV	1,36	0,04	2,61%	1,86	0,05	2,67%	0,51	37,27%	0,014	0,06%	0,03%
	220kV	1,30	0,02	1,79%	1,53	0,02	1,49%	0,24	18,10%	0,000	-0,30%	-0,18%
TTĐ3	Chung	6,15	0,12	1,96%	6,28	0,12	1,88%	0,13	2,12%	-0,003	-0,08%	-0,05%
	500kV	4,82	0,07	1,37%	4,83	0,07	1,38%	0,01	0,24%	0,001	0,01%	0,02%
	220kV	3,18	0,05	1,73%	3,32	0,05	1,55%	0,14	4,49%	-0,004	-0,18%	-0,04%
TTĐ4	Chung	10,25	0,13	1,22%	10,57	0,12	1,13%	0,32	3,08%	-0,006	-0,09%	0,07%
	500kV	6,71	0,05	0,75%	6,62	0,04	0,57%	-0,09	-1,31%	-0,013	-0,18%	0,55%
	220kV	10,16	0,07	0,73%	10,47	0,08	0,77%	0,31	3,04%	0,007	0,04%	0,06%
NPT	Chung	22,13	0,51	2,31%	23,45	0,54	2,29%	1,32	5,95%	0,027	-0,02%	-0,11%
	500kV	11,50	0,23	2,01%	12,24	0,24	2,00%	0,74	6,45%	0,013	-0,01%	0,02%
	220kV	24,66	0,28	1,14%	26,06	0,29	1,13%	1,40	5,68%	0,014	-0,01%	-0,06%

6. Danh sách các sự cố dẫn tới vi phạm các tiêu chuẩn vận hành trong tháng

a. Sự cố lưới điện thuộc EVNNPT: không xảy ra sự cố dẫn tới vi phạm các tiêu chuẩn vận hành lưới điện truyền tải.

b. Sự cố do đơn vị ngoài EVNNPT quản lý vận hành: không xảy ra sự cố dẫn tới vi phạm các tiêu chuẩn vận hành lưới điện truyền tải.

V. TÌNH HÌNH KẾT NỐI SCADA

Hiện tại số liệu thống kê từ trang quản lý sự cố của EVN <http://quanlysuco.evn.com.vn> đang bị lỗi không truy cập được.